

Số: **2303**/QĐ-HV

Hà Nội, ngày **31** tháng **7** năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

V/v: Công nhận học viên Cao học đợt 1 năm 2026

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị quyết số 171/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết 191/NQ-HĐHV ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng Học viện về việc Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 550/QĐ-HV ngày 21/04/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-HĐTS ngày 26/06/2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về việc Phê duyệt danh sách trúng tuyển trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay công nhận **335 học viên** cao học đợt 1 năm 2026 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Trong đó:

### Cơ sở Phía Bắc: 318 học viên

- Chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông: **25** học viên (Danh sách chi tiết kèm theo);
- Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử: **16** học viên (Danh sách chi tiết kèm theo);
- Chuyên ngành Hệ thống thông tin: **103** học viên (Danh sách chi tiết kèm theo);
- Chuyên ngành Khoa học máy tính: **100** học viên (Danh sách chi tiết kèm theo);
- Chuyên ngành An toàn thông tin: **49** học viên (Danh sách chi tiết kèm theo);
- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: **25** học viên (Danh sách chi tiết kèm theo);

### Cơ sở Phía Nam: 17 học viên

- Chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông: **04** học viên (Danh sách chi tiết kèm theo);
- Chuyên ngành Hệ thống thông tin: **10** học viên (Danh sách chi tiết kèm theo);
- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: **03** học viên (Danh sách chi tiết kèm theo);

**Điều 2.** Giao cho Khoa Đào tạo sau đại học tổ chức đào tạo theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 550/QĐ-HV ngày 21/04/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

**Điều 3.** Phó Giám đốc phụ trách cơ sở Học viện tại Tp.HCM, Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng: Giáo vụ, Tài chính Kế toán, Đào tạo; Trưởng Khoa Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Thư*

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT; ĐT (4).

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**PGS.TS. Trần Quang Anh**

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026

CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT VIỄN THÔNG - CƠ SỞ PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số 2302/QĐ-HV ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

| TT | Họ tên đệm             | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC               |              |                                 |                |                     | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |         |                     |                           | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                  |                |                   |                                          |                      | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH      |                             |                          |                      | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|----|------------------------|-------|-----------|------------|---------------------------------------|--------------|---------------------------------|----------------|---------------------|---------------------|---------|---------------------|---------------------------|---------------------------------|----------------|-------------------|------------------------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------|
|    |                        |       |           |            | Trưởng cấp bằng                       | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                   | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức        | Ưu tiên | Chứng chỉ tiếng Anh | Đơn vị cấp                | Ngày cấp                        | Lý thuyết mạch | Xử lý tín hiệu số | Lý thuyết truyền tin/Lý thuyết thông tin | Môn khác tương đương | Kỹ thuật mạng truyền thông | Kỹ thuật thông tin vô tuyến | Kỹ thuật thông tin quang | Môn khác tương đương |                 |
| 1  | Ngô Đức                | Bình  | Nam       | 09/09/2002 | Đại học Công nghệ, ĐHQG Gia Hà Nội    | CQ           | Công nghệ KT điện tử viễn thông | 2024           | Khá                 |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh     | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                | 7.00              |                                          |                      |                            |                             | 7.00                     |                      | 14.00           |
| 2  | Nguyễn Phan Kiên Cường |       | Nam       | 27/08/2003 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2026           | Khá                 |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 | 8.20           |                   |                                          |                      |                            | 8.60                        |                          |                      | 16.80           |
| 3  | Đoàn Ngọc              | Đại   | Nam       | 16/11/2003 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Kỹ thuật điện tử viễn thông     | 2026           | Khá                 |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                |                   | 9.40                                     |                      |                            | 6.10                        |                          |                      | 15.50           |
| 4  | Hoàng Minh             | Đức   | Nam       | 28/01/2000 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2023           | Khá                 |                     |         | B2 Aptis ESOL       | British Council           | 25/05/2026                      |                | 9.50              |                                          |                      | 8.60                       |                             |                          |                      | 18.10           |
| 5  | Nguyễn Thị             | Hà    | Nữ        | 17/10/2002 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Kỹ thuật điện tử viễn thông     | 2025           | Xuất sắc            |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 |                |                   | 9.80                                     |                      |                            |                             |                          |                      | 19.70           |
| 6  | Nguyễn Thị             | Hằng  | Nữ        | 06/09/2002 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2025           | Khá                 |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 |                |                   | 9.20                                     |                      | 8.50                       |                             |                          |                      | 17.70           |
| 7  | Đặng Văn               | Hiếu  | Nam       | 14/03/1997 | Đại học Bách Khoa Hà Nội              | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2020           | Khá                 |                     |         | B1 Aptis ESOL       | British Council           | 30/04/2026                      |                | 5.95              |                                          |                      | 6.70                       |                             |                          |                      | 12.65           |
| 8  | Nguyễn Huy             | Hoàng | Nam       | 23/09/2001 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | CN Kỹ thuật Điện tử viễn thông  | 2024           | Khá                 | x                   |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 8/2024               |                |                   | 7.30                                     |                      | 8.10                       |                             |                          |                      | 15.40           |
| 9  | Đỗ Xuân                | Hùng  | Nam       | 10/06/2003 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Kỹ thuật điện tử viễn thông     | 2026           | Khá                 |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 | 8.20           |                   |                                          |                      |                            | 7.30                        |                          |                      | 15.50           |
| 10 | Ngô Thị                | Hương | Nữ        | 16/12/1992 | Học viện Kỹ thuật quân sự             | CQ           | CN Điện tử viễn thông           | 2015           | Giỏi                |                     |         | B2 Aptis ESOL       | British Council           | 24/05/2026                      |                | 9.00              |                                          |                      |                            | 8.80                        |                          |                      | 13.80           |
| 11 | Nguyễn Quốc            | Huy   | Nam       | 04/05/2003 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2026           | Giỏi                |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 | 9.50           |                   |                                          |                      | 8.50                       |                             |                          |                      | 18.00           |
| 12 | Lâm Hải                | Lan   | Nữ        | 31/12/1980 | Đại học Bách Khoa Hà Nội              | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2005           | Giỏi                |                     |         | B2 Aptis ESOL       | British Council           | 26/04/2026                      |                | 7.00              |                                          |                      |                            | 8.00                        |                          |                      | 15.00           |
| 13 | Hà Quang               | Long  | Nam       | 09/03/2001 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2025           | Trung bình          |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 | 6.10           |                   |                                          |                      |                            |                             |                          |                      | 12.00           |
| 14 | Nguyễn Đại             | Lương | Nam       | 11/05/2003 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Kỹ thuật điện tử viễn thông     | 2026           | Giỏi                |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                | 9.60              |                                          |                      | 5.90                       |                             |                          |                      | 12.00           |
| 15 | Nguyễn Thị             | Ly    | Nữ        | 11/04/1993 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2016           | Giỏi                |                     |         | B1 Aptis ESOL       | British Council           | 22/05/2025                      | 9.00           |                   |                                          |                      |                            | 9.00                        |                          |                      | 18.00           |
| 16 | Nguyễn Hoàng           | Minh  | Nam       | 14/08/2002 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Kỹ thuật điện tử viễn thông     | 2025           | Khá                 |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 |                |                   | 7.20                                     |                      | 7.70                       |                             |                          |                      | 14.90           |
| 17 | Ngô Văn                | Minh  | Nam       | 25/09/1997 | Học viện Kỹ thuật quân sự             | CQ           | CN Điện tử viễn thông           | 2022           | Khá                 |                     |         | B2 Aptis ESOL       | British Council           | 29/04/2026                      | 6.50           |                   |                                          |                      |                            | 8.70                        |                          |                      | 15.20           |
| 18 | Nguyễn Xuân            | Nam   | Nam       | 12/07/2002 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2026           | Trung bình          |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                | 8.00              |                                          |                      | 8.30                       |                             |                          |                      | 16.30           |
| 19 | Phạm Đức               | Phong | Nam       | 27/08/2003 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2026           | Giỏi                |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                | 8.20              |                                          |                      | 8.60                       |                             |                          |                      | 16.80           |
| 20 | Nguyễn Văn             | Phú   | Nam       | 27/11/1994 | Đại học Công nghệ, ĐHQG Gia Hà Nội    | CQ           | CN KT điện tử truyền thông      | 2018           | Giỏi                |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh     | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                | 4.45              |                                          |                      |                            | 7.00                        |                          |                      | 11.45           |
| 21 | Phạm Hữu               | Phúc  | Nam       | 21/01/2003 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2026           | Giỏi                |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                | 10.00             |                                          |                      |                            | 7.70                        |                          |                      | 17.70           |
| 22 | Bùi Đức                | Quý   | Nam       | 06/11/2002 | Đại học Giao thông Vận tải            | CQ           | Kỹ thuật điện tử viễn thông     | 2025           | Trung bình          |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh     | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                |                   | 7.70                                     |                      |                            |                             |                          |                      | 14.50           |
| 23 | Đỗ Huy                 | Triển | Nam       | 24/12/2003 | Học viện Công nghệ BCVT               | CQ           | Điện tử viễn thông              | 2026           | Giỏi                |                     |         |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 | 9.50           |                   |                                          |                      |                            | 6.80                        |                          |                      | 17.50           |
| 24 | Phạm Văn               | Toàn  | Nam       | 08/08/1992 | ĐH Nghiên cứu Bách khoa QG Tomsk, Nga | CQ           | Điện tử và điện tử nano         | 2016           |                     | x                   |         | Bậc 3 Tiếng Anh     | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 6.00           |                   |                                          |                      | 7.60                       |                             |                          |                      | 13.60           |



| TT | Họ tên đệm | Tên | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC   |              |                                            |                |                     | Ưu tiên | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                     |                                 | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ |                |                   |                                           |                      | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH      |                             |                          |                      | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|----|------------|-----|-----------|------------|---------------------------|--------------|--------------------------------------------|----------------|---------------------|---------|---------------------|---------------------|---------------------------------|----------------|----------------|-------------------|-------------------------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------|
|    |            |     |           |            | Trường cấp bằng           | Hình thức DT | Ngành đào tạo                              | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp |         | BS kiến thức        | Chứng chỉ tiếng Anh | Đơn vị cấp                      | Ngày cấp       | Lý thuyết mạch | Xử lý tín hiệu số | Lý thuyết truyền tin/ Lý thuyết thông tin | Môn khác tương đương | Kỹ thuật mạng truyền thông | Kỹ thuật thông tin vô tuyến | Kỹ thuật thông tin quang | Môn khác tương đương |                 |
| 25 | Đoàn       | Vũ  | Nam       | 28/01/1997 | Học viện Kỹ thuật quân sự | CQ           | Kỹ thuật điện tín (Chuyên ngành thông tin) | 2021           | TB.Khá              |         | Bậc 3 Tiếng Anh     | Đại học Thái Nguyên | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                | 9.00           |                   |                                           |                      |                            |                             | 6.40                     | 15.40                |                 |

Danh sách gồm: 25 học viên

Người tập biểu

*[Signature]*

Đinh Thị Bích Hạnh



PGS. TS. Trần Quang Anh



DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026  
CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - CƠ SỞ PHÍA BẮC  
(Kèm theo Quyết định số 2202/QĐ-HV ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

| TT | Họ tên đệm      | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC           |              |                                    |                |                     |              | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                                 |                                       |                                                             | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ |                   |            |                      |                 | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                   |                      |  | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |      |  |  |       |       |
|----|-----------------|-------|-----------|------------|-----------------------------------|--------------|------------------------------------|----------------|---------------------|--------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|------------|----------------------|-----------------|-----------------------|-------------------|----------------------|--|-----------------|------|--|--|-------|-------|
|    |                 |       |           |            | Trưởng cấp bằng                   | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                      | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức | Ưu tiên             | Chứng chỉ tiếng Anh             | Đơn vị cấp                            | Ngày cấp                                                    | Lý thuyết mạch | Xử lý tín hiệu số | Điện tử số | Môn khác tương đương | Xử lý tiếng nói | Hệ thống nhúng        | Thiết kế logic số | Môn khác tương đương |  |                 |      |  |  |       |       |
|    |                 |       |           |            |                                   |              |                                    |                |                     |              |                     |                                 |                                       |                                                             |                |                   |            |                      |                 |                       |                   |                      |  |                 |      |  |  |       |       |
| 1  | Nguyễn Ngọc     | Diễm  | Nam       | 15/08/2001 | Học viện Công nghệ BCVT           | CQ           | Kỹ thuật điện tử                   | 2024           | Khá                 |              |                     | B2 Apris ESOL                   | British Council                       | 25/05/2026                                                  | 8.10           |                   |            |                      |                 |                       |                   |                      |  | 6.60            |      |  |  | 14.70 |       |
| 2  | Vũ Bá           | Dương | Nam       | 23/03/1995 | Học viện Công nghệ BCVT           | CQ           | Kỹ thuật điện tử                   | 2018           | Giỏi                |              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                   | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026                             |                | 9.80              |            |                      |                 |                       |                   |                      |  |                 | 9.30 |  |  |       | 19.10 |
| 3  | Nguyễn Trọng    | Hà    | Nam       | 20/08/1999 | Học viện Công nghệ BCVT           | CQ           | Công nghệ thông tin                | 2022           | Khá                 | x            |                     | TOEIC 4 kỹ năng                 | ETS Việt Nam                          | Nghe đọc (430, 410);<br>Nói, viết (120, 150);<br>10/03/2026 |                | 9.50              |            |                      |                 |                       |                   |                      |  |                 | 7.70 |  |  |       | 17.20 |
| 4  | Tô Minh         | Hiếu  | Nam       | 03/11/2001 | Học viện Công nghệ BCVT           | CQ           | CN Kỹ thuật điện tử                | 2026           | Khá                 |              |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp năm 2026                   |                                                             |                |                   | 7.10       |                      |                 |                       |                   |                      |  | 5.50            |      |  |  | 12.60 |       |
| 5  | Nguyễn Bá Việt  | Hoàng | Nam       | 28/02/2003 | Học viện Công nghệ BCVT           | CQ           | Kỹ thuật điện tử                   | 2026           | Khá                 |              |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp năm 2026                   |                                                             |                |                   | 7.00       |                      |                 |                       |                   |                      |  | 6.10            |      |  |  | 13.10 |       |
| 6  | Nguyễn Duy Việt | Hưng  | Nam       | 20/04/2003 | Học viện Công nghệ BCVT           | CQ           | CN Kỹ thuật điện tử                | 2026           | Giỏi                |              |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp năm 2026                   |                                                             |                |                   | 8.50       |                      |                 |                       |                   |                      |  | 9.10            |      |  |  | 17.60 |       |
| 7  | Nguyễn Thành    | Long  | Nam       | 19/09/2003 | Học viện Công nghệ BCVT           | CQ           | Kỹ thuật điện tử                   | 2026           | Khá                 |              |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp năm 2026                   | 8.00                                                        |                |                   |            |                      |                 |                       |                   |                      |  | 5.70            |      |  |  | 13.70 |       |
| 8  | Nguyễn Thị      | Mai   | Nữ        | 18/11/2002 | Học viện Công nghệ BCVT           | CQ           | Kỹ thuật điện tử                   | 2025           | Khá                 |              |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp năm 2025                   | 7.20                                                        |                |                   |            |                      |                 |                       |                   |                      |  | 5.30            |      |  |  | 12.50 |       |
| 9  | Nguyễn Đức      | Minh  | Nam       | 26/12/2002 | Đại học FPT                       | CQ           | Công nghệ thông tin                | 2025           | Khá                 | x            |                     | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT                           | 2025                                                        |                | 8.00              |            |                      |                 |                       |                   |                      |  | 7.80            |      |  |  | 15.80 |       |
| 10 | Bùi Hoàng       | Ngọc  | Nam       | 22/07/2002 | Học viện Công nghệ BCVT           | CQ           | Kỹ thuật điện tử                   | 2025           | Khá                 |              |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp năm 2025                   |                                                             |                |                   | 7.40       |                      |                 |                       |                   |                      |  | 8.10            |      |  |  | 15.50 |       |
| 11 | Nguyễn Văn      | Nhân  | Nam       | 13/07/2001 | Học viện Kỹ thuật quân sự         | CQ           | Điện tử viễn thông                 | 2025           | Giỏi                |              |                     | Bậc 4 tiếng Anh                 | Đại học Thương mại                    | 25/05/2026                                                  | 8.50           |                   |            |                      |                 |                       |                   |                      |  | 8.70            |      |  |  | 17.20 |       |
| 12 | Lê Hồng         | Phong | Nam       | 20/10/1988 | Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên | CQ           | Điện- Điện tử                      | 2011           | Khá                 |              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Ngoại ngữ, ĐH Quốc Gia Hà Nội | 02/06/2026                                                  | 7.30           |                   |            |                      |                 |                       |                   |                      |  | 7.85            |      |  |  | 15.15 |       |
| 13 | Phùng Đức       | Phú   | Nam       | 24/01/1989 | Đại học Bách Khoa Hà Nội          | CQ           | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá | 2012           | Giỏi                | x            |                     | Bậc 3 tiếng Anh                 | Đại học Hà Nội                        | 04/05/2026                                                  | 6.70           |                   |            |                      |                 |                       |                   |                      |  | 9.10            |      |  |  | 15.80 |       |
| 14 | Vũ Hoà          | Phúc  | Nam       | 12/04/1992 | Đại học Bách khoa Hà Nội          | CQ           | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử      | 2018           | Khá                 | x            |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                   | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026                             |                |                   | 8.30       |                      |                 |                       |                   |                      |  | 7.85            |      |  |  | 16.15 |       |
| 15 | Phạm Thế        | Sơn   | Nam       | 11/10/2002 | Học viện Công nghệ BCVT           | CQ           | Điện- Điện tử                      | 2026           | Khá                 |              |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp năm 2026                   |                                                             |                |                   | 8.00       |                      |                 |                       |                   |                      |  | 6.70            |      |  |  | 14.70 |       |
| 16 | Bùi Thanh       | Trà   | Nữ        | 31/01/2001 | Học viện Kỹ thuật quân sự         | CQ           | Điện tử viễn thông                 | 2024           | Giỏi                |              |                     | Bậc 4/Tiếng Anh                 | Đại học Thương mại                    | 25/05/2026                                                  | 9.00           |                   |            |                      |                 |                       |                   |                      |  |                 | 8.80 |  |  |       | 17.80 |

Danh sách gồm: 16 học viên

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh

gthh



PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026  
CHUYÊN NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN - CƠ SỞ PHẢI BẮC  
(Kèm theo Quyết định số 2302/QĐ-HV ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

| TT | Họ tên đệm           | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC                  |              |                                       |                |                     | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |         |                                        |                                      |                                 | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                 |              |                        |                      |               | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH   |                    |                      |       | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|----|----------------------|-------|-----------|------------|------------------------------------------|--------------|---------------------------------------|----------------|---------------------|---------------------|---------|----------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|--------------|------------------------|----------------------|---------------|-------------------------|--------------------|----------------------|-------|-----------------|
|    |                      |       |           |            | Trường cấp bằng                          | Hình thức DT | Ngành đào tạo                         | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức        | Ưu tiên | Chứng chỉ tiếng Anh                    | Đơn vị cấp                           | Ngày cấp                        | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | Toán rời rạc | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương | Cơ sở dữ liệu | Phân tích thiết kế HTTT | Công nghệ phần mềm | Môn khác tương đương |       |                 |
| 1  | Khúc Tuấn            | Anh   | Nam       | 24/10/2003 | Đại học La Trobe Australia               | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           |                     |                     |         | Chương trình học bằng tiếng Anh        | Đại học La Trobe Australia           | 2025                            |                                | 8.10         | 7.00                   |                      |               |                         |                    |                      | 15.10 |                 |
| 2  | Lê Đức               | Anh   | Nam       | 01/02/1996 | Học viện Công nghệ BCVT                  | CQ           | An toàn thông tin                     | 2019           | Trung bình          |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh                        | Đại học Hà Nội                       | 26/04/2025                      |                                |              |                        | 8.10                 |               |                         |                    |                      | 15.50 |                 |
| 3  | Lê Đức               | Anh   | Nam       | 25/07/1997 | Học viện Kỹ thuật quân sự                | CQ           | Điện - Điện tử                        | 2021           | Trung bình          | x (02/2025)         |         | Bậc 3 Tiếng Anh                        | Học viện Khoa học Quân sự            | 10/06/2025                      | 6.00                           |              |                        |                      | 8.60          |                         |                    |                      | 14.60 |                 |
| 4  | Nguyễn Thị Lan       | Anh   | Nữ        | 26/11/1992 | Học viện Nông nghiệp Việt Nam            | CQ           | Tin học                               | 2016           | Trung bình          |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh                        | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                                | 6.50         |                        | 8.00                 |               |                         |                    |                      | 14.50 |                 |
| 5  | Hồ Quang             | Anh   | Nam       | 30/07/2003 | ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội          | CQ           | Công nghệ thông tin- Truyền thông     | 2024           | Khá                 |                     |         | Chương trình đào tạo ĐH bằng tiếng Anh | ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội      | 11/2024                         | 6.50                           |              |                        |                      | 6.55          |                         |                    |                      | 13.05 |                 |
| 6  | Lê Sỹ Hoàng          | Anh   | Nam       | 25/03/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                  | CQ           | An toàn thông tin                     | 2026           | Giỏi                |                     |         |                                        | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                 | 9.40                           |              |                        |                      | 7.60          |                         |                    |                      | 17.00 |                 |
| 7  | Nguyễn Hoàng         | Anh   | Nam       | 15/12/1988 | Học viện Công nghệ BCVT                  | CQ           | Điện tử viễn thông                    | 2013           | TB.Khá              | x                   |         | Bậc 3 tiếng Anh                        | Đại học Ngoại ngữ, Đại học QG Hà Nội | 02/06/2026                      | 6.00                           |              |                        |                      | 7.00          |                         |                    |                      | 13.00 |                 |
| 8  | Nguyễn Thuý          | Anh   | Nữ        | 03/11/1999 | Học viện Ngân hàng                       | CQ           | Hệ thống thông tin quản lý            | 2021           | Khá                 | x                   |         | B2 Aptis ESOL                          | British Council                      | 05/04/2026                      | 8.10                           |              |                        |                      | 7.00          |                         |                    |                      | 15.10 |                 |
| 9  | Lê Tú                | Anh   | Nữ        | 24/03/1998 | Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội  | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2020           | Giỏi                |                     |         | B1 Aptis ESOL                          | British Council                      | 17/05/2026                      |                                | 8.50         |                        |                      |               | 8.20                    |                    |                      | 16.70 |                 |
| 10 | Nguyễn Thị Ngọc Bích |       | Nữ        | 04/07/1999 | Đại học Mỏ Địa chất                      | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2023           | Khá                 |                     |         | B1 Aptis ESOL                          | British Council                      | 06/04/2026                      | 8.20                           |              |                        | 5.95                 |               |                         |                    |                      | 14.15 |                 |
| 11 | Trần Đức             | Bình  | Nam       | 12/01/1990 | Đại học FPT                              | CQ           | Kỹ thuật phần mềm                     | 2011           | TB.Khá              |                     |         | Chương trình đào tạo ĐH bằng tiếng Anh | Đại học FPT                          | 2011                            |                                | 6.90         |                        |                      | 6.00          |                         |                    |                      | 12.90 |                 |
| 12 | Lê Quốc              | Ca    | Nam       | 26/04/2001 | Đại học Công nghệ giao thông vận tải     | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2023           | Khá                 |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh                        | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                                | 9.80         |                        |                      | 8.60          |                         |                    |                      | 18.40 |                 |
| 13 | Vũ Thị               | Chinh | Nữ        | 15/11/1999 | Đại học Công nghiệp Hà Nội               | CQ           | Kỹ thuật phần mềm                     | 2021           | Giỏi                |                     |         | B2 Aptis ESOL                          | British Council                      | 20/04/2026                      |                                | 8.20         |                        |                      | 8.20          |                         |                    |                      | 16.40 |                 |
| 14 | Nguyễn Văn Công      |       | Nam       | 03/11/1986 | Đại học Công nghệ thông tin-ĐH QG TP HCM | Tự xa        | Công nghệ thông tin                   | 2009           | Khá                 |                     |         | Cử nhân Ngôn ngữ Anh                   | Đại học Hà Nội                       | 05/12/2018                      | 9.00                           |              |                        | 9.00                 |               |                         |                    |                      | 18.00 |                 |
| 15 | Trần Mạnh            | Cường | Nam       | 08/06/1996 | Học viện Công nghệ BCVT                  | CQ           | An toàn thông tin                     | 2019           | Khá                 |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh                        | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                                |              |                        |                      |               | 8.60                    |                    |                      | 17.60 |                 |
| 16 | Lê Quốc              | Cường | Nam       | 07/10/2003 | Đại học Thủ đô Hà Nội                    | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Khá                 |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh                        | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 8.20                           |              |                        |                      | 8.80          |                         |                    |                      | 17.00 |                 |
| 17 | Vũ Đức               | Cường | Nam       | 19/10/2003 | Đại học Staffordshire, Anh               |              | Khoa học máy tính (Công nghệ đám mây) | 2024           |                     | x                   |         | Chương trình học ĐH bằng tiếng Anh     | Đại học Staffordshire, Anh           | 10/09/2024                      | 6.00                           |              |                        |                      | 8.30          |                         |                    |                      | 14.30 |                 |
| 18 | Nguyễn Hải           | Đăng  | Nam       | 20/07/2003 | Đại học Đại Nam                          | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Khá                 |                     |         | B1 Aptis ESOL                          | British Council                      | 17/05/2026                      |                                | 6.50         |                        |                      |               | 7.00                    |                    |                      | 13.50 |                 |
| 19 | Nguyễn Hoàng         | Điệp  | Nam       | 03/12/2002 | Học viện Công nghệ BCVT                  | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Khá                 |                     |         |                                        | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                 |                                |              | 7.40                   |                      | 7.40          |                         |                    |                      | 14.80 |                 |
| 20 | Lê Anh               | Đức   | Nam       | 28/10/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                  | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Khá                 |                     |         |                                        | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                 |                                |              |                        |                      | 7.40          |                         |                    |                      | 14.50 |                 |
| 21 | Trần Minh            | Đức   | Nam       | 15/08/1997 | Học viện Kỹ thuật mật mã                 | CQ           | An toàn thông tin                     | 2020           | Khá                 |                     |         | B2 Aptis ESOL                          | British Council                      | 26/05/2026                      |                                | 8.40         |                        |                      | 8.90          |                         |                    |                      | 17.30 |                 |
| 22 | Nguyễn Thị Thuý Dung |       | Nữ        | 19/02/1999 | Đại học KHĐT-ĐH Quốc gia HN              | CQ           | Toán tin ứng dụng                     | 2022           | Trung bình          | x                   |         | B1 Aptis ESOL                          | British Council                      | 27/05/2026                      |                                | 6.90         |                        |                      |               | 7.20                    |                    |                      | 14.10 |                 |
| 23 | Mai Danh             | Dũng  | Nam       | 14/03/1997 | Học viện Công nghệ BCVT                  | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2022           | Trung bình          |                     |         | B1 Aptis ESOL                          | British Council                      | 10/06/2025                      |                                |              | 7.30                   |                      | 6.20          |                         |                    |                      | 13.50 |                 |



| TT | Họ tên đệm         | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC       |              |                                       |                |                     |              | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                                 |                           |                                 | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                 |              |                        |                      | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                         |                    |                      | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|----|--------------------|-------|-----------|------------|-------------------------------|--------------|---------------------------------------|----------------|---------------------|--------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|---------------------------------|--------------------------------|--------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------|----------------------|-----------------|
|    |                    |       |           |            | Trưởng cấp bằng               | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                         | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức | Ưu tiên             | Chương chi tiếng Anh            | Đơn vị cấp                | Ngày cấp                        | Cấu trúc đề liệu và giải thuật | Toán rời rạc | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương | Cơ sở dữ liệu         | Phân tích thiết kế HTTT | Công nghệ phần mềm | Môn khác tương đương |                 |
| 24 | Nguyễn Việt        | Dũng  | Nam       | 17/02/2000 | Đại học Điện lực              | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2023           | Khá                 |              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 9.30                           |              |                        |                      |                       |                         | 7.70               |                      | 17.00           |
| 25 | Nguyễn Hoàng Mạnh  | Dũng  | Nam       | 15/02/1998 | Đại học Xây dựng              | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2021           | Khá                 |              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 8.70                           |              |                        |                      | 8.20                  |                         |                    |                      | 16.90           |
| 26 | Hoàng Minh         | Dũng  | Nam       | 23/09/2003 | Học viện Công nghệ BCVT       | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Khá                 |              |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                                |              | 6.70                   |                      | 7.50                  |                         |                    |                      | 14.20           |
| 27 | Nguyễn Khánh Duy   | Duy   | Nam       | 24/02/2003 | Học viện Công nghệ BCVT       | CQ           | Điện tử viễn thông                    | 2026           | Khá                 | x            |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 | 5.60                           |              |                        |                      |                       |                         | 8.20               |                      | 13.80           |
| 28 | Vũ Thị Duyên       | Duyên | Nữ        | 02/05/1998 | Đại học Công nghiệp Hà Nội    | CQ           | Kỹ thuật phần mềm                     | 2021           | Khá                 |              |                     | B1 Aptis ESOL                   | British Council           | 20/04/2026                      | 8.20                           |              |                        |                      | 6.70                  |                         |                    |                      | 14.90           |
| 29 | Nguyễn Thuỳ Giang  | Giang | Nữ        | 12/09/2001 | Đại học Kinh tế quốc dân      | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2022           | Xuất sắc            |              |                     | Bậc 4 tiếng Anh                 | Đại học Hà Nội            | 21/04/2026                      | 7.20                           |              |                        |                      |                       | 8.40                    |                    |                      | 15.60           |
| 30 | Đặng Minh Hà       | Hà    | Nam       | 14/07/2003 | Đại học Giao thông vận tải    | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Khá                 |              |                     | Bậc 4 tiếng Anh                 | Đại học Bách Khoa Hà Nội  | 12/05/2026                      | 7.90                           |              |                        |                      | 7.40                  |                         |                    |                      | 15.30           |
| 31 | Nguyễn Ngọc Hà     | Hà    | Nữ        | 08/06/2003 | Học viện Công nghệ BCVT       | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Giỏi                |              |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 | 10.00                          |              |                        |                      |                       | 8.40                    |                    |                      | 18.40           |
| 32 | Trần Tiến Hải      | Hải   | Nam       | 28/09/2000 | Đại học Mỏ Địa chất           | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2023           | Khá                 |              |                     | B1 Aptis ESOL                   | British Council           | 28/04/2026                      | 5.95                           |              |                        |                      | 5.95                  |                         |                    |                      | 11.90           |
| 33 | Trần Thị Hiền      | Hiền  | Nữ        | 27/03/2003 | Học viện Công nghệ BCVT       | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Khá                 |              |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                                | 8.90         |                        |                      |                       | 7.50                    |                    |                      | 16.40           |
| 34 | Vũ Trung Hiếu      | Hiếu  | Nam       | 16/12/2000 | Học viện Công nghệ BCVT       | CQ           | Công nghệ đa phương tiện              | 2025           | Khá                 | x            |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 | 6.00                           |              |                        |                      | 7.80                  |                         |                    |                      | 13.80           |
| 35 | Nguyễn Văn Hiếu    | Hiếu  | Nam       | 16/01/2000 | Học viện Công nghệ BCVT       | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Trung bình          |              |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 |                                | 6.30         |                        |                      |                       | 8.00                    |                    |                      | 14.30           |
| 36 | Nguyễn Thị Hoa     | Hoa   | Nữ        | 18/10/1984 | Đại học Dân lập Hải Phòng     | CQ           | Tin học                               | 2007           | Khá                 |              |                     | Cử nhân ngôn ngữ Anh            | Đại học Thái Nguyên       | 30/06/2025                      |                                |              | 7.00                   |                      | 9.00                  |                         |                    |                      | 16.00           |
| 37 | Nguyễn Thị Kim Hoa | Hoa   | Nữ        | 29/07/2003 | Đại học Đại Nam               | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Giỏi                |              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                                | 9.50         |                        |                      | 9.00                  |                         |                    |                      | 18.50           |
| 38 | Nguyễn Văn Hoàng   | Hoàng | Nam       | 25/01/1997 | Đại học Mỏ Hà Nội             | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Khá                 |              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 8.30                           |              |                        |                      |                       |                         |                    |                      | 16.50           |
| 39 | Tô Văn Hoàng       | Hoàng | Nam       | 13/03/1999 | Học viện Công nghệ BCVT       | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2022           | Trung bình          |              |                     | B2 Aptis ESOL                   | British Council           | 11/05/2026                      |                                | 8.10         |                        |                      |                       |                         | 7.50               |                      | 15.60           |
| 40 | Nguyễn Lê Hoàng    | Hoàng | Nam       | 30/10/2003 | Đại học Troy                  | CQ           | Khoa học máy tính                     | 2025           |                     |              |                     | B2 Aptis ESOL                   | British Council           | 11/03/2026                      |                                |              |                        |                      |                       |                         | 5.95               |                      | 13.40           |
| 41 | Lê Tuấn Hùng       | Hùng  | Nam       | 04/09/1999 | Học viện Công nghệ BCVT       | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Trung bình          |              |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 |                                |              | 6.50                   |                      |                       | 6.30                    |                    |                      | 12.80           |
| 42 | Đỗ Tiến Hưng       | Hưng  | Nam       | 13/08/1990 | Đại học Thái Nguyên           | Từ xa        | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Xuất sắc            |              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 9.00                           |              |                        |                      | 9.00                  |                         |                    |                      | 18.00           |
| 43 | Nguyễn Sỹ Huy      | Huy   | Nam       | 20/10/2000 | Đại học FPT                   | CQ           | Kỹ thuật phần mềm                     | 2023           | Khá                 |              |                     | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT               | Tốt nghiệp 2023                 |                                |              |                        |                      |                       |                         | 6.40               |                      | 13.60           |
| 44 | Bùi Đoàn Quang Huy | Huy   | Nam       | 16/10/2000 | Đại học Công nghiệp Hà Nội    | CQ           | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu | 2022           | Khá                 |              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 7.45                           |              |                        |                      | 7.70                  |                         |                    |                      | 15.15           |
| 45 | Nguyễn Đức Huy     | Huy   | Nam       | 27/11/2002 | Đại học Kiến trúc Hà Nội      | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Khá                 |              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 8.20                           |              |                        | 8.00                 |                       |                         |                    |                      | 16.20           |
| 46 | Vũ Đăng Khoa       | Khoa  | Nam       | 27/09/1998 | Đại học Thương mại            | CQ           | Hệ thống thông tin quản lý            | 2020           | Khá                 | x            |                     | B2 Aptis ESOL                   | British Council           | 07/02/2026                      |                                |              | 6.90                   |                      | 8.00                  |                         |                    |                      | 14.90           |
| 47 | Nguyễn Trung Kiên  | Kiên  | Nam       | 18/05/1996 | Đại học Đại Nam               | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2022           | Giỏi                |              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 8.50                           |              |                        |                      | 8.50                  |                         |                    |                      | 17.00           |
| 48 | Nguyễn Đức Kiên    | Kiên  | Nam       | 25/02/1998 | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2023           | Trung bình          |              |                     | B1 Aptis ESOL                   | British Council           | 27/10/2025                      |                                | 6.40         |                        |                      |                       |                         | 7.80               |                      | 14.20           |

| TT | Họ tên đệm     | Tên  | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC              |              |                                     |                |                     |              |           | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH                |                                      |                                 | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                |              |                        |                      |               | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH   |                    |                      |       | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|----|----------------|------|-----------|------------|--------------------------------------|--------------|-------------------------------------|----------------|---------------------|--------------|-----------|------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|--------------|------------------------|----------------------|---------------|-------------------------|--------------------|----------------------|-------|-----------------|
|    |                |      |           |            | Trưởng cấp bằng                      | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                       | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức | Ưu tiên   | Chứng chỉ tiếng Anh                | Đơn vị cấp                           | Ngày cấp                        | Cấu trúc đề thi và giải thuật | Toán rời rạc | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương | Cơ sở dữ liệu | Phân tích thiết kế HTTT | Công nghệ phần mềm | Môn khác tương đương |       |                 |
| 49 | Nguyễn Tung    | Lâm  | Nam       | 09/03/2003 | Đại học Staffordshire, Anh           | Liên kết     | Khoa học máy tính (An ninh mạng)    | 2024           |                     |              |           | Chương trình học ĐH bằng tiếng Anh | Đại học Staffordshire, Anh           | 10/09/2024                      | 6.00                          |              |                        |                      | 8.30          |                         |                    |                      | 14.30 |                 |
| 50 | Nguyễn Thị Mai | Lan  | Nữ        | 30/03/1999 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2022           | Khá                 |              |           | C1 Aptis ESOL                      | British Council                      | 01/04/2026                      |                               | 8.10         |                        |                      | 7.40          |                         |                    |                      | 15.50 |                 |
| 51 | Phạm Văn       | Lân  | Nam       | 12/07/2002 | Đại học Công nghệ Hà Nội             | CQ           | Công nghệ Kỹ thuật máy tính         | 2024           | Khá                 | x            |           | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                               | 7.40         |                        |                      | 8.20          |                         |                    |                      | 15.60 |                 |
| 52 | Hoàng Văn      | Linh | Nam       | 16/08/1991 | Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định    | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2014           | Trung bình          |              |           | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 6.80                          |              |                        |                      | 7.70          |                         |                    |                      | 14.50 |                 |
| 53 | Lê Khánh       | Linh | Nữ        | 12/11/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2026           | Giỏi                |              |           |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                 |                               | 8.70         |                        |                      | 7.90          |                         |                    |                      | 16.60 |                 |
| 54 | Nguyễn Văn     | Lộc  | Nam       | 18/08/1990 | Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên    | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2014           | Khá                 |              |           | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                               | 6.90         |                        |                      | 6.30          |                         |                    |                      | 13.20 |                 |
| 55 | Nguyễn Quốc    | Lộc  | Nam       | 28/09/2002 | Đại học Thủy Lợi                     | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2025           | Khá                 |              |           | B2 Aptis ESOL                      | British Council                      | 28/04/2026                      |                               | 7.50         |                        |                      | 6.40          |                         |                    |                      | 13.90 |                 |
| 56 | Lê Ngọc        | Lợi  | Nam       | 20/03/2000 | Viện Vật lý kỹ thuật Matxcova, Nga   | CQ           | Phân tích hệ thống và điều khiển    | 2024           |                     | x            |           | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 8.00                          |              |                        |                      |               | 7.70                    |                    |                      | 15.70 |                 |
| 57 | Hoàng Bảo      | Long | Nam       | 28/09/2000 | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | CQ           | An toàn thông tin                   | 2022           | TB.Khá              |              |           | Chương trình học bằng tiếng Anh    | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | 06/12/2022                      |                               | 6.50         |                        |                      | 8.40          |                         |                    |                      | 14.90 |                 |
| 58 | Kiều Hải       | Long | Nam       | 27/10/2001 | Đại học Thăng Long                   | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2025           | Khá                 |              |           | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                               | 7.90         |                        |                      | 8.80          |                         |                    |                      | 16.70 |                 |
| 59 | Ngô Anh        | Long | Nam       | 18/04/1994 | Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia HN      | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2016           | Khá                 |              |           | B2 Aptis ESOL                      | British Council                      | 22/11/2025                      |                               | 7.45         |                        |                      |               | 9.50                    |                    |                      | 16.95 |                 |
| 60 | Vũ Duy         | Long | Nam       | 14/05/2000 | Đại học Giao thông vận tải           | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2023           | Trung bình          |              |           | B2 Aptis ESOL                      | British Council                      | 26/04/2026                      | 8.20                          |              |                        |                      |               | 7.20                    |                    |                      | 15.40 |                 |
| 61 | Nguyễn Thành   | Long | Nam       | 04/04/2000 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2025           | Khá                 |              |           |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2025                 |                               |              | 8.00                   |                      |               |                         |                    |                      | 14.80 |                 |
| 62 | Nguyễn Thành   | Luân | Nam       | 20/06/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2026           | Khá                 |              |           |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                 | 6.50                          |              |                        |                      |               | 7.10                    |                    |                      | 13.60 |                 |
| 63 | Trần Thị       | Ly   | Nữ        | 15/04/2003 | Đại học Đại Nam                      | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2025           | Giỏi                |              |           | B1 Aptis ESOL                      | British Council                      | 17/05/2026                      |                               | 9.50         |                        |                      |               | 9.00                    |                    |                      | 18.50 |                 |
| 64 | Chu Quang      | Minh | Nam       | 15/08/2002 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Kỹ thuật điện tử viễn thông         | 2025           | Trung bình          | x            | (Đ2.2025) |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2025                 |                               | 5.50         |                        |                      | 6.40          |                         |                    |                      | 11.90 |                 |
| 65 | Nguyễn Bà Ngọc | Minh | Nam       | 05/09/2000 | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | CQ           | Công nghệ thông tin- Truyền thông   | 2023           | Trung bình          |              |           | Chương trình học bằng tiếng Anh    | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | Tốt nghiệp năm 2023             | 6.00                          |              |                        |                      | 6.50          |                         |                    |                      | 12.50 |                 |
| 66 | Trịnh Ngọc     | Minh | Nam       | 18/01/1998 | Học viện Kỹ thuật Quân sự            | CQ           | Kỹ thuật Điện tử viễn thông         | 2024           | Trung bình          | x            |           | B1 Aptis ESOL                      | British Council                      | 04/05/2026                      | 7.00                          |              |                        |                      | 8.10          |                         |                    |                      | 15.10 |                 |
| 67 | Nguyễn Hoàng   | Nam  | Nam       | 18/03/2001 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Kỹ thuật điện tử viễn thông         | 2025           | Trung bình          | x            | (Đ2.2025) |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp năm 2025             | 7.00                          |              |                        |                      | 7.90          |                         |                    |                      | 14.90 |                 |
| 68 | Nguyễn Phương  | Nam  | Nam       | 20/12/1996 | Học viện Kỹ thuật mật mã             | CQ           | An toàn thông tin                   | 2020           | Trung bình          |              |           | B1 Aptis ESOL                      | British Council                      | 08/11/2025                      | 7.30                          |              |                        |                      | 7.30          |                         |                    |                      | 14.60 |                 |
| 69 | Bùi Tuấn       | Nam  | Nam       | 06/12/2003 | Đại học Hà Nội                       | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2025           | Khá                 |              |           | Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh | ĐH Hà Nội                            | 2025                            |                               | 6.90         |                        |                      | 8.10          |                         |                    |                      | 15.00 |                 |
| 70 | Giáo Phương    | Nam  | Nam       | 20/07/2000 | Đại học FPT                          | CQ           | Kỹ thuật phần mềm                   | 2022           | Khá                 |              |           | Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh | ĐH FPT                               | 2022                            |                               | 7.20         |                        |                      | 7.00          |                         |                    |                      | 14.20 |                 |
| 71 | Nguyễn Khánh   | Nam  | Nam       | 29/03/1999 | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | CQ           | Công nghệ thông tin và truyền thông | 2020           | TB.Khá              |              |           | Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | 02/12/2020                      |                               | 7.50         |                        |                      | 5.50          |                         |                    |                      | 13.00 |                 |
| 72 | Vũ Phương      | Nam  | Nam       | 13/09/1999 | Đại học Mỏ Hà Nội                    | CQ           | Công nghệ thông tin                 | 2025           | Trung bình          |              |           | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                               | 5.60         |                        |                      |               | 5.30                    |                    |                      | 10.90 |                 |

| TT | Họ tên đệm      | Tên    | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC                        |              |                                       |                |                     |                |         | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                                    |                                                 | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                  |              |                        |                      |                    |                         | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                      |  |       | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|----|-----------------|--------|-----------|------------|------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------|----------------|---------------------|----------------|---------|---------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|--|-------|-----------------|
|    |                 |        |           |            | Trường cấp bằng                                | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                         | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức   | Ưu tiên | Chứng chỉ tiếng Anh | Đơn vị cấp                         | Ngày cấp                                        | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật  | Toán rời rạc | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương | Công nghệ phần mềm | Phân tích thiết kế HTTT | Cơ sở dữ liệu         | Môn khác tương đương |  |       |                 |
| 73 | Dương Tuấn      | Nam    | Nam       | 09/10/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Xuất sắc            |                |         |                     | B1 Aptis ESOL                      | Sinh viên Học viện CNBCVT                       | Tốt nghiệp 2026                 |              |                        | 10.00                |                    | 8.30                    |                       |                      |  | 18.30 |                 |
| 74 | Nguyễn Quang    | Nghĩa  | Nam       | 02/10/1993 | Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia HN                | CQ           | Công nghệ Điện tử Viễn thông          | 2015           | Giỏi                | Đot 2.2025     |         |                     |                                    | British Council                                 | 16/07/25025                     | 6.70         |                        |                      | 8.50               |                         |                       |                      |  | 15.20 |                 |
| 75 | Nguyễn Trọng    | Nguyễn | Nam       | 25/08/1995 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ Kỹ thuật điện tử            | 2018           | Trung bình          | x Đ2.2025      |         |                     | Cử nhân NN Anh                     | ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu nghị                | 02/12/2022                      | 5.00         |                        |                      |                    | 8.60                    |                       |                      |  | 13.60 |                 |
| 76 | Nguyễn Đình     | Nguyễn | Nam       | 29/03/2001 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2024           | Giỏi                |                |         |                     | B1 Aptis ESOL                      | British Council                                 | 27/05/2026                      |              |                        | 8.90                 |                    |                         | 6.50                  |                      |  | 15.40 |                 |
| 77 | Phạm Thị Hồng   | Nhung  | Nữ        | 29/03/1996 | ĐH CNTT và truyền thông- Đại học Thái Nguyên   | CQ           | Kỹ thuật phần mềm                     | 2020           | Khá                 |                |         |                     | B2 Aptis ESOL                      | British Council                                 | 27/09/2025                      |              |                        | 6.50                 |                    |                         | 6.80                  |                      |  | 13.30 |                 |
| 78 | Nguyễn Văn      | Phé    | Nam       | 03/06/1992 | Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên              | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2015           | Khá                 |                |         |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                             | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |              |                        | 8.30                 | 7.70               |                         |                       |                      |  | 16.00 |                 |
| 79 | Hoàng Anh       | Phi    | Nam       | 27/05/1988 | Học viện Kỹ thuật Quân sự                      | LTCQ         | Kỹ thuật điện-điện tử                 | 2013           | TB.Khá              | x              |         |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                             | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 6.00         |                        |                      |                    | 8.40                    |                       |                      |  | 14.40 |                 |
| 80 | Vũ Thanh        | Phong  | Nam       | 18/05/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ đa phương tiện              | 2026           | Khá                 | x              |         |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT                       | Tốt nghiệp 2026                 | 7.20         |                        |                      | 7.80               |                         |                       |                      |  | 15.00 |                 |
| 81 | Nguyễn Hoàng    | Phúc   | Nam       | 19/10/1996 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2019           | Khá                 |                |         |                     | B2 Aptis ESOL                      | British Council                                 | 24/04/2026                      | 9.60         |                        |                      | 8.10               |                         |                       |                      |  | 17.70 |                 |
| 82 | Trần Tuấn       | Phúc   | Nam       | 12/02/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Trung bình          |                |         |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT                       | Tốt nghiệp 2026                 |              |                        | 5.30                 | 7.70               |                         |                       |                      |  | 13.00 |                 |
| 83 | Lưu Văn         | Phương | Nam       | 13/03/2000 | Đại học Điện lực                               | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2024           | Khá                 |                |         |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                             | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 8.00         |                        |                      |                    | 8.50                    |                       |                      |  | 16.50 |                 |
| 84 | Nguyễn Ngọc     | Quang  | Nam       | 05/10/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Giỏi                |                |         |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT                       | Tốt nghiệp 2026                 |              |                        | 8.30                 | 8.00               |                         |                       |                      |  | 16.30 |                 |
| 85 | Nguyễn Thị      | Quyên  | Nữ        | 02/02/1995 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2019           | Trung bình          |                |         |                     | Bậc 3 tiếng Anh                    | Đại học PHENIKAA                                | 21/05/2026                      |              |                        | 8.40                 |                    |                         | 8.40                  |                      |  | 16.80 |                 |
| 86 | Đỗ Văn          | Quyên  | Nam       | 01/11/1999 | Học viện Kỹ thuật quân sự                      | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2022           | Khá                 |                |         |                     | B1 Cambridge English               | English Cambridge University Press & Assessment | 03/08/2025                      |              |                        | 7.30                 |                    | 7.80                    |                       |                      |  | 15.10 |                 |
| 87 | Nguyễn Hữu      | Quyết  | Nam       | 17/08/2001 | Đại học FPT                                    | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | TB.Khá              |                |         |                     | Chương trình học bằng tiếng Anh    | Đại học FPT                                     | 2025                            |              |                        | 6.00                 | 7.40               |                         |                       |                      |  | 13.40 |                 |
| 88 | Đào Văn         | Sáng   | Nam       | 10/10/1991 | Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định              | CQ           | Tin học ứng dụng                      | 2013           | Trung bình          |                |         |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Học viện Khoa Quân Sư                           | 29/08/2025                      |              |                        | 6.80                 |                    | 7.30                    |                       |                      |  | 14.10 |                 |
| 89 | Phạm Duy        | Thái   | Nam       | 09/06/2001 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Khá                 |                |         |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT                       | Tốt nghiệp 2025                 |              |                        | 7.90                 | 6.00               |                         |                       |                      |  | 13.90 |                 |
| 90 | Nguyễn Trần Đức | Thắng  | Nam       | 08/12/2002 | Đại học Khoa học tự nhiên- Đại học Quốc Gia HN | CQ           | Máy tính và khoa học thông tin        | 2025           | Trung bình          | x              |         |                     | B1 Aptis ESOL                      | British Council                                 | 13/03/2026                      |              |                        | 7.40                 |                    | 7.50                    |                       |                      |  | 14.90 |                 |
| 91 | Nguyễn Công     | Thắng  | Nam       | 16/09/2001 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2024           | Khá                 |                |         |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT                       | Tốt nghiệp 8/2024               |              |                        | 8.10                 |                    |                         | 5.60                  |                      |  | 13.70 |                 |
| 92 | Trần Đức        | Thanh  | Nam       | 04/10/1996 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Khá                 |                |         |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT                       | Tốt nghiệp 2026                 |              |                        | 8.70                 | 7.70               |                         |                       |                      |  | 16.40 |                 |
| 93 | Đào Duy         | Thống  | Nam       | 02/07/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Giỏi                |                |         |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT                       | Tốt nghiệp 2026                 |              |                        | 9.10                 | 8.10               |                         |                       |                      |  | 17.20 |                 |
| 94 | Nguyễn Quốc     | Tiến   | Nam       | 16/06/2003 | Đại học FPT                                    | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | TB.Khá              |                |         |                     | Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh | ĐH FPT                                          | 2025                            | 6.70         |                        |                      |                    | 6.50                    |                       |                      |  | 13.20 |                 |
| 95 | Lê Vũ           | Toàn   | Nam       | 04/08/1975 | Học viện Công nghệ BCVT                        | Từ xa        | Công nghệ thông tin                   | 2011           | TB.Khá              |                |         |                     | Cử nhân Ngôn ngữ Anh               | Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp            | 27/03/2026                      |              |                        | 7.00                 | 7.00               |                         |                       |                      |  | 14.00 |                 |
| 96 | Trần Thu        | Trà    | Nữ        | 12/12/2002 | Đại học Công nghệ thông tin-ĐHQG TP HCM        | CQ           | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu | 2025           | Khá                 |                |         |                     | B1 Aptis ESOL                      | British Council                                 | 27/05/2026                      | 6.40         |                        |                      | 5.00               |                         |                       |                      |  | 11.40 |                 |
| 97 | Đàm Thân        | Trang  | Nam       | 01/12/2002 | Học viện Công nghệ BCVT                        | CQ           | Điện tử viễn thông                    | 2025           | Trung bình          | x (Đot 2.2025) |         |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT                       | Tốt nghiệp năm 2025             | 5.40         |                        |                      | 6.40               | 6.40                    |                       |                      |  | 11.80 |                 |

| TT  | Họ tên đệm  | Tên  | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC    |              |                                       |                | Ưu tiên       | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                                        |                            |                                 | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ |                                |              |                        | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                         |                    |                      | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|-----|-------------|------|-----------|------------|----------------------------|--------------|---------------------------------------|----------------|---------------|---------------------|----------------------------------------|----------------------------|---------------------------------|----------------|--------------------------------|--------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------|----------------------|-----------------|
|     |             |      |           |            | Trưởng cấp bằng            | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                         | Năm tốt nghiệp |               | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức                           | Chương chi tiếng Anh       | Đơn vị cấp                      | Ngày cấp       | Cấu trúc đề liên và giải thuật | Toán rời rạc | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương  | Phân tích thiết kế HTTT | Công nghệ phần mềm | Môn khác tương đương |                 |
| 98  | Đỗ Thế      | Tuấn | Nam       | 04/12/1999 | Học viên Kỹ thuật Quân sự  | CQ           | KT Điện dân từ                        | 2024           | Trung bình    | x                   | B2 Aptis ESOL                          | British Council            | 04/05/2026                      | 7.00           |                                |              |                        | 8.10                  |                         |                    | 15.10                |                 |
| 99  | Hoàng Anh   | Tuấn | Nam       | 11/03/2003 | Học viện Công nghệ BCVT    | CQ           | Điện tử viễn thông                    | 2026           |               | x                   |                                        | Sinh viên Học viện CNBCVT  | Tốt nghiệp 2026                 |                | 6.90                           |              |                        |                       | 8.10                    |                    | 15.00                |                 |
| 100 | Dương Việt  | Tùng | Nam       | 24/11/2003 | Đại học Staffordshire, Anh | Liên kết     | Khoa học máy tính (Công nghệ đảm bảo) | 2024           |               | x                   | Chương trình học ĐH bằng tiếng Anh     | Đại học Staffordshire, Anh | 10/09/2024                      | 6.00           |                                |              |                        | 7.50                  |                         |                    | 13.50                |                 |
| 101 | Lê Bảo      | Vân  | Nữ        | 26/07/2002 | Đại học Kinh tế quốc dân   | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2024           | Giỏi          |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                        | Đại học Thái Nguyên        | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                | 7.50                           |              |                        |                       | 9.30                    |                    | 16.80                |                 |
| 102 | Nguyễn Việt | Vinh | Nam       | 13/01/1991 | Đại học Điện lực           | CQ           | Điện tử viễn thông                    | 2015           | Khá (Đ2.2025) | x                   | Bậc 3 Tiếng Anh                        | Đại học Thái Nguyên        | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 7.00           |                                |              |                        | 8.50                  |                         |                    | 15.50                |                 |
| 103 | Trần Ngọc   | Vinh | Nam       | 21/09/2002 | Đại học FPT                | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2024           | Khá           |                     | Chương trình ĐH đào tạo bằng tiếng Anh | Đại học FPT                | 2024                            |                | 7.60                           |              |                        |                       | 8.20                    |                    | 15.80                |                 |

Danh sách gồm: 103 học viên

Người lập biên

*[Signature]*

Đinh Thị Bích Hạnh



PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026  
CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC MÁY TÍNH - CƠ SỞ PHÍA BẮC  
(Kèm theo Quyết định số 202/QĐ-HV ngày 11 tháng 1 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

| TT | Họ tên đệm      | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC                   |              |                                       |                |                     |              | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                                 |                                  | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                  |                               |              |                        |                      | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                         |                    |                      | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|----|-----------------|-------|-----------|------------|-------------------------------------------|--------------|---------------------------------------|----------------|---------------------|--------------|---------------------|---------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|--------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------|----------------------|-----------------|
|    |                 |       |           |            | Trường cấp bằng                           | Hình thức BT | Ngành đào tạo                         | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS tiến thức | Ưu tiên             | Chứng chỉ tiếng Anh             | Đơn vị cấp                       | Ngày cấp                        | Cấu trúc đề thi và giải thuật | Toán rời rạc | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương | Cơ sở dữ liệu         | Phân tích thiết kế HTTT | Công nghệ phần mềm | Môn khác tương đương |                 |
| 1  | Đào Bình        | An    | Nam       | 24/08/2004 | Đại học FPT                               | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Khá                 |              |                     | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT                      | 05/03/2026                      | 6.40                          |              |                        |                      |                       |                         | 6.50               |                      | 12.90           |
| 2  | Nguyễn Quảng    | An    | Nam       | 31/08/2000 | Học viện Kỹ thuật mật mã                  | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2023           | Giỏi                |              |                     | C1 Aptis ESOL                   | British Council                  | 17/05/2026                      | 8.30                          |              |                        |                      | 7.70                  |                         |                    |                      | 16.00           |
| 3  | Phan Quốc       | Anh   | Nam       | 13/08/2001 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2024           | Khá                 |              |                     | APTIS ESOL B1                   | British Council                  | 08/03/2026                      |                               |              | 8.90                   |                      |                       | 7.70                    |                    |                      | 16.60           |
| 4  | Hoàng Tuấn      | Anh   | Nam       | 24/02/2000 | ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội         | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2022           | Giỏi                |              |                     | B1 Aptis ESOL                   | British Council                  | 07/02/2026                      |                               |              | 7.74                   |                      |                       | 7.52                    |                    |                      | 15.26           |
| 5  | Phạm Tuấn       | Anh   | Nam       | 05/09/2001 | Học viện Kỹ thuật mật mã                  | CQ           | An toàn thông tin                     | 2024           | Khá                 |              |                     | B2 Aptis ESOL                   | British Council                  | 12/04/2026                      | 7.60                          |              |                        |                      |                       | 5.50                    |                    |                      | 13.10           |
| 6  | Lưu Ngọc        | Anh   | Nữ        | 15/06/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Giỏi                |              |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT        | Tốt nghiệp 2026                 |                               |              | 10.00                  |                      |                       |                         | 7.30               |                      | 17.30           |
| 7  | Nguyễn Thị Vân  | Anh   | Nữ        | 09/08/2002 | Đại học Công nghệ Đại học Quốc Gia Hà Nội | CQ           | CN KT Điện tử viễn thông              | 2024           | Khá                 | x            |                     | B1 Aptis ESOL                   | British Council                  | 28/04/2026                      | 5.20                          |              |                        |                      | 9.00                  |                         |                    |                      | 14.20           |
| 8  | Hoàng Minh Đức  | Anh   | Nam       | 10/10/2000 | Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia Hà HN        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2024           | Khá                 |              |                     | B2 Aptis ESOL                   | British Council                  | 27/05/2026                      | 9.50                          |              |                        |                      |                       |                         |                    |                      | 17.20           |
| 9  | Vũ Tuấn         | Anh   | Nam       | 02/10/2000 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Điện điện tử                          | 2023           | Trung bình          | x            |                     | Aptis ESOL B1                   | British Council                  | 02/6/2026                       | 6.00                          |              |                        |                      | 7.50                  |                         |                    |                      | 13.50           |
| 10 | Nguyễn Trí      | Anh   | Nam       | 13/07/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Giỏi                |              |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT        | Tốt nghiệp 2026                 |                               | 10.00        |                        |                      |                       | 8.70                    |                    |                      | 18.70           |
| 11 | Mai Đức         | Bình  | Nam       | 22/05/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Xuất sắc            |              |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT        | Tốt nghiệp 2026                 |                               | 10.00        |                        |                      | 9.60                  |                         |                    |                      | 19.60           |
| 12 | Lê Đình         | Cường | Nam       | 13/08/1996 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2020           | Khá                 |              |                     | B1 Aptis ESOL                   | British Council                  | 12/05/2026                      |                               |              | 7.60                   |                      | 6.80                  |                         |                    |                      | 14.40           |
| 13 | Nguyễn Quốc     | Cường | Nam       | 02/01/1998 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Kỹ thuật Điện tử Viễn thông           | 2021           | Khá                 | x            |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên              | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 6.00                          |              |                        |                      | 8.10                  |                         |                    |                      | 14.10           |
| 14 | Trần Vũ         | Đạt   | Nam       | 07/07/2001 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Điện tử viễn thông                    | 3/2024         | Khá                 | x            |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên              | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 7.50                          |              |                        |                      |                       | 5.50                    |                    |                      | 13.00           |
| 15 | Ngô Quý         | Đạt   | Nam       | 17/08/2002 | Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia Hà Nội       | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Khá                 |              |                     | C1 Aptis ESOL                   | British Council                  | 24/05/2026                      |                               |              | 8.30                   |                      |                       |                         | 7.30               |                      | 15.60           |
| 16 | Trần Quý        | Đạt   | Nam       | 13/12/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Xuất sắc            |              |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT        | Tốt nghiệp 2026                 |                               | 9.40         |                        |                      | 9.20                  |                         |                    |                      | 18.60           |
| 17 | Phan Văn        | Diệp  | Nam       | 05/08/2002 | Đại học Mỏ Hà Nội                         | CQ           | Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông | 2025           | Giỏi                | x            |                     | Bậc 3 tiếng Anh                 | Học viện Báo chí và tuyên truyền | 12/08/2025                      | 7.00                          |              |                        |                      | 8.70                  |                         |                    |                      | 15.70           |
| 18 | Nguyễn Hữu      | Diệp  | Nam       | 11/02/1998 | Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia Hà Nội       | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2022           | Giỏi                |              |                     | B2 Aptis ESOL                   | British Council                  | 21/03/2026                      |                               |              | 6.60                   |                      | 8.70                  |                         |                    |                      | 15.30           |
| 19 | Trịnh Thị Huyền | Diệu  | Nữ        | 25/09/2002 | Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp    | CQ           | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu | 2024           | Giỏi                |              |                     | Bậc 3 tiếng Anh                 | Đại học Hà Nội                   | 11/11/2025                      |                               |              | 8.70                   |                      |                       | 8.20                    |                    |                      | 16.90           |
| 20 | Nguyễn Huy      | Định  | Nam       | 21/02/1999 | ĐH Bách Khoa Hà Nội                       | CQ           | Kỹ thuật máy tính                     | 2022           | Giỏi                | x            |                     | APTIS ESOL B2                   | British Council                  | 31/12/2025                      |                               |              | 7.45                   |                      | 8.20                  |                         |                    |                      | 15.65           |

| TT | Họ tên đệm      | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC                   |              |                            |                |                     | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |         | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                  |                           |                                 |                                | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                        |                      |               | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |                         |                    |                      |
|----|-----------------|-------|-----------|------------|-------------------------------------------|--------------|----------------------------|----------------|---------------------|---------------------|---------|---------------------------------|---------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|---------------|-----------------|-------------------------|--------------------|----------------------|
|    |                 |       |           |            | Trường cấp bằng                           | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo              | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức        | Ưu tiên | Chứng chỉ tiếng Anh             | Đơn vị cấp                | Ngày cấp                        | Cấu trúc đề liên và giải thuật | Toán rời rạc          | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương | Cơ sở dữ liệu |                 | Phân tích thiết kế HTTT | Công nghệ phần mềm | Môn khác tương đương |
| 21 | Nguyễn Thành    | Đức   | Nam       | 30/04/1991 | ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội         | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2016           | TB,Khá              |                     |         | IELTS 7.0                       | IDP Việt Nam              | 03/03/2026                      |                                | 5.90                  |                        |                      |               | 7.40            |                         |                    | 13.30                |
| 22 | Trần Đoàn Minh  | Đức   | Nam       | 05/12/1988 | Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội    | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2016           | Giỏi                |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |                                | 6.50                  |                        |                      | 8.85          |                 |                         |                    | 15.35                |
| 23 | Phạm Ngọc Việt  | Đức   | Nam       | 26/08/2000 | Đại học Công nghệ - ĐH Quốc Gia Hà Nội    | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2022           | Giỏi                |                     |         | B2 Aptis ESOL                   | British Council           | 19/04/2026                      | 7.90                           |                       |                        |                      |               | 7.20            |                         |                    | 15.10                |
| 24 | Cao Việt        | Đức   | Nam       | 19/04/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Giỏi                |                     |         |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                                |                       | 10.00                  |                      | 9.30          |                 |                         |                    | 19.30                |
| 25 | Trần Anh        | Đức   | Nam       | 08/07/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Xuất sắc            |                     |         |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 | 10.00                          |                       |                        |                      | 9.00          |                 |                         |                    | 19.00                |
| 26 | Trần Minh       | Đức   | Nam       | 17/11/2003 | Đại học Khoa học tự nhiên- ĐH Quốc gia HN | CQ           | Toán tin                   | 2026           | Khá                 | x                   |         | C1 Aptis ESOL                   | British Council           | 08/03/2026                      | 8.80                           |                       |                        |                      | 7.80          |                 |                         |                    | 16.60                |
| 27 | Trần Như        | Đức   | Nam       | 05/03/1998 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Điện tử viễn thông         | 2024           | Khá                 | x                   |         |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 8/2024               | 6.00                           |                       |                        |                      | 8.20          |                 |                         |                    | 14.20                |
| 28 | Phan Thị Thuý   | Dung  | Nữ        | 02/04/1995 | Học viện Ngân hàng                        | CQ           | Hệ thống thông tin quản lý | 2020           | Trung bình          | x                   |         | B2 Aptis ESOL                   | British Council           | 11/04/2026                      | 5.90                           |                       |                        |                      |               | 7.20            |                         |                    | 13.10                |
| 29 | Đặng Ngọc       | Dũng  | Nam       | 19/04/1992 | Đại học FPT                               | CQ           | Kỹ thuật phần mềm          | 2014           | Khá                 |                     |         | Chương trình học bằng Tiếng Anh | Đại học FPT               | 2014                            |                                | 6.90                  |                        |                      | 8.10          |                 |                         |                    | 15.00                |
| 30 | Trần Việt       | Dũng  | Nam       | 12/01/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Giỏi                |                     |         |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                                | 8.90                  |                        |                      | 8.30          |                 |                         |                    | 17.20                |
| 31 | Lê Trung        | Dũng  | Nam       | 09/06/2003 | Đại học Công nghệ Đông Á                  | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2025           | Khá                 |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 8.10                           |                       |                        |                      | 8.10          |                 |                         |                    | 16.20                |
| 32 | Nguyễn Đức      | Dũng  | Nam       | 30/11/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Giỏi                |                     |         |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                                | 9.90                  |                        |                      | 8.20          |                 |                         |                    | 18.10                |
| 33 | Lò Văn          | Dương | Nam       | 07/02/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Khá                 |                     |         |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 | 8.00                           |                       |                        |                      |               | 7.30            |                         |                    | 15.30                |
| 34 | Nguyễn Ánh      | Dương | Nữ        | 09/09/2003 | Đại học Thương mại                        | CQ           | Hệ thống thông tin quản lý | 2025           | Xuất sắc            | x                   |         | 5.0 IELTS                       | British Council           | 29/12/2025                      |                                | 9.00                  |                        |                      | 8.80          |                 |                         |                    | 17.80                |
| 35 | Vũ Việt         | Duy   | Nam       | 10/10/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ Đa phương tiện   | 2025           | Khá                 | x                   |         |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 |                                | 9.00                  |                        |                      | 8.70          |                 |                         |                    | 17.70                |
| 36 | Bùi Đức         | Giang | Nam       | 13/09/1996 | Đại học Giao thông Vận tải                | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2018           | Khá                 |                     |         | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 9.30                           |                       |                        |                      |               | 8.30            |                         |                    | 17.60                |
| 37 | Bùi Hoàng       | Hà    | Nam       | 27/06/2001 | Đại học Điện lực                          | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2024           | Giỏi                |                     |         | B1 Aptis ESOL                   | British Council           | 25/05/2026                      | 9.30                           |                       |                        |                      |               | 8.40            |                         |                    | 17.70                |
| 38 | Đỗ Phan         | Hà    | Nam       | 11/08/2002 | Đại học Công nghệ và quản lý hữu nghị     | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2024           | Giỏi                |                     |         | B2 Aptis ESOL                   | British Council           | 21/05/2026                      | 7.80                           |                       |                        |                      | 9.00          |                 |                         |                    | 16.80                |
| 39 | Vũ Ngọc         | Hào   | Nam       | 13/01/2002 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2025           | Xuất sắc            |                     |         |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 | 9.90                           |                       |                        |                      |               |                 | 8.80                    |                    | 18.70                |
| 40 | Trần Văn        | Hào   | Nam       | 07/09/2002 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2025           | Giỏi                |                     |         |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 |                                | 7.90                  |                        |                      | 9.00          |                 |                         |                    | 16.90                |
| 41 | Nguyễn Hoàng    | Hiệp  | Nam       | 09/12/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                   | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Xuất sắc            |                     |         |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                                | 9.30                  |                        |                      | 8.90          |                 |                         |                    | 18.20                |
| 42 | Trương Bá Hoàng | Hiệp  | Nam       | 03/08/2003 | Đại học Hàng Hải Việt Nam                 | CQ           | Công nghệ thông tin        |                | Giỏi                |                     |         | IELTS 5.5                       | IDP Việt Nam              | 01/02/2026                      |                                | 9.10                  |                        |                      |               | 7.80            |                         |                    | 16.90                |

| TT | Họ tên đệm       | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC                 |              |                                       |                |                     |                | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                                 |                                      |                                 | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                 |              |                        |                      | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                         |                    |                      | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|----|------------------|-------|-----------|------------|-----------------------------------------|--------------|---------------------------------------|----------------|---------------------|----------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|--------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------|----------------------|-----------------|
|    |                  |       |           |            | Trưởng cấp bằng                         | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                         | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức   | Ưu tiên             | Chứng chỉ tiếng Anh             | Đơn vị cấp                           | Ngày cấp                        | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | Toán rời rạc | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương | Cơ sở dữ liệu         | Phân tích thiết kế HTTP | Công nghệ phần mềm | Môn khác tương đương |                 |
| 43 | Đỗ Minh          | Hiếu  | Nam       | 05/09/1999 | Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội         | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2023           | Khá                 |                |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 7.40                           |              |                        |                      |                       |                         | 8.70               |                      | 16.10           |
| 44 | Lê Trung         | Hiếu  | Nam       | 23/01/2002 | Đại học Giao thông vận tải              | CQ           | Kỹ thuật Điện tử Viễn thông           | 2025           | Giỏi                | x<br>(02/2025) |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 7.00                           |              |                        |                      |                       |                         | 8.00               |                      | 15.00           |
| 45 | Phùng Đức        | Hiếu  | Nam       | 04/01/2004 | Đại học FPT                             | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Giỏi                |                |                     | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT                          | 05/03/2026                      | 9.40                           |              |                        |                      | 7.90                  |                         |                    |                      | 17.30           |
| 46 | Đậu Quang        | Hiếu  | Nam       | 12/01/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                 | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Giỏi                |                |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                 |                                | 9.00         |                        |                      | 7.40                  |                         |                    |                      | 16.40           |
| 47 | Tê Trung         | Hiếu  | Nam       | 01/11/1997 | Đại học Tân Trào                        | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Giỏi                |                |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                  | 03/04/2025                      |                                |              | 9.00                   |                      |                       |                         | 8.00               |                      | 17.00           |
| 48 | Nguyễn Hữu Quang | Hoà   | Nam       | 25/06/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                 | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Xuất sắc            |                |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                 | 9.40                           |              |                        |                      | 9.10                  |                         |                    |                      | 18.50           |
| 49 | Vũ Minh          | Hoàng | Nam       | 29/03/1983 | Đại học Khoa học tự nhiên- ĐHQG Hà Nội  | CQ           | Toán tin ứng dụng                     | 2005           | Khá                 | x              |                     | C1 Apts ESOL                    | British Council                      | 21/11/2025                      | 6.00                           |              |                        |                      |                       |                         |                    |                      | 15.00           |
| 50 | Lê Huy           | Hoàng | Nam       | 23/10/2000 | Học viện Công nghệ BCVT                 | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2023           | Khá                 |                |                     | B2 Apts ESOL                    | British Council                      | 24/05/2026                      |                                | 7.80         |                        |                      | 7.00                  |                         |                    |                      | 14.80           |
| 51 | Nguyễn Tuấn      | Hưng  | Nam       | 19/06/2003 | Đại học Công nghệ, ĐHQG Hà Nội          | CQ           | Khoa học máy tính                     | 2025           | Giỏi                |                |                     | IELTS 7.5                       | British Council VN                   | 10/10/2024                      |                                | 8.00         |                        |                      | 7.00                  |                         |                    |                      | 15.00           |
| 52 | Nguyễn Quang     | Huy   | Nam       | 09/11/2002 | Đại học Công nghệ Hà Nội                | CQ           | Khoa học máy tính                     | 2024           | Khá                 |                |                     | B1 VEPT                         | Pearson                              | 25/04/2026                      | 5.20                           |              |                        |                      | 8.20                  |                         |                    |                      | 13.40           |
| 53 | Trần Mạnh        | Huy   | Nam       | 27/10/2002 | Đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội         | CQ           | Điện tử viễn thông                    | 2024           | Khá                 | x              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 6.50                           |              |                        |                      |                       | 7.60                    |                    |                      | 14.10           |
| 54 | Đổng Đức         | Khôi  | Nam       | 19/10/2001 | Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2023           | Khá                 |                |                     | B1 Apts ESOL                    | British Council                      | 07/12/2025                      | 6.80                           |              |                        |                      |                       |                         |                    |                      | 14.80           |
| 55 | Đặng Trần        | Kiên  | Nam       | 30/03/1996 | Đại học Bách Khoa Hà Nội                | CQ           | Điện tử viễn thông                    | 2019           | Khá                 | x              |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 6.00                           |              |                        |                      | 8.70                  |                         |                    |                      | 14.70           |
| 56 | Phùng Văn        | Lâm   | Nam       | 25/09/2004 | Đại học Thương mại                      | CQ           | Hệ thống thông tin quản lý            | 2025           | Giỏi                | x              |                     | Bậc 4 Tiếng Anh                 | Đại học Thương mại                   | 03/03/2026                      |                                | 7.70         |                        |                      |                       | 8.20                    |                    |                      | 15.90           |
| 57 | Mai Ngọc         | Lâm   | Nam       | 22/04/2001 | Đại học Công nghệ Đại học Quốc Hà Nội   | CQ           | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu | 2024           | Giỏi                |                |                     | B2 Apts ESOL                    | British Council                      | 12/05/2026                      | 7.90                           |              |                        |                      | 8.5                   |                         |                    |                      | 16.40           |
| 58 | Vũ Hoàng         | Lâm   | Nam       | 20/04/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                 | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2026           | Khá                 |                |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                 |                                |              |                        |                      |                       |                         | 6.30               |                      | 14.30           |
| 59 | Trần Tuấn        | Linh  | Nam       | 12/06/2003 | Học viện Công nghệ BCVT                 | CQ           | Công nghệ Đa phương tiện              | 2026           | Giỏi                | x              |                     |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                 | 8.70                           |              |                        |                      | 7.70                  |                         |                    |                      | 16.40           |
| 60 | Trình Tiến       | Lộc   | Nam       | 03/11/2001 | Đại học Hàng Hải Việt Nam               | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2023           | Xuất sắc            |                |                     | B2 Apts ESOL                    | British Council                      | 25/05/2026                      |                                | 9.40         |                        |                      | 8.30                  |                         |                    |                      | 17.70           |
| 61 | Trần Thanh       | Long  | Nam       | 19/10/2000 | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội    | CQ           | Công nghệ thông tin- Truyền thông     | 2021           | Khá                 |                |                     | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | Tốt nghiệp năm 2021             | 6.40                           |              |                        |                      |                       |                         | 7.20               |                      | 13.60           |
| 62 | Bùi Thi          | Lụa   | Nữ        | 26/09/1998 | Học viện Công nghệ BCVT                 | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2021           | Giỏi                |                |                     | B2 Apts ESOL                    | British Council                      | 17/05/2026                      | 9.00                           |              |                        |                      | 8.80                  |                         |                    |                      | 17.80           |
| 63 | Nguyễn Văn       | Lương | Nam       | 18/01/1997 | Học viện Công nghệ BCVT                 | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2021           | Trung bình          |                |                     | Apts ESOL B1                    | British Council                      | 02/06/2026                      |                                |              | 7.80                   |                      | 5.30                  |                         |                    |                      | 13.10           |
| 64 | Bùi Đức          | Mạnh  | Nam       | 24/04/2003 | Đại học Kinh tế, Kỹ thuật công nghiệp   | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2025           | Khá                 |                |                     | Apts ESOL B1                    | British Council                      | 26/05/2026                      |                                | 6.70         |                        |                      |                       | 7.45                    |                    |                      | 14.15           |

| TT | Họ tên đệm            | Tên    | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC              |              |                                   |                |                     |              | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                     |                                    | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                       |                                                                  |              |                        |                      | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                         |                    |                      |      | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |  |  |  |  |       |
|----|-----------------------|--------|-----------|------------|--------------------------------------|--------------|-----------------------------------|----------------|---------------------|--------------|---------------------|---------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------|----------------------|------|-----------------|--|--|--|--|-------|
|    |                       |        |           |            | Trường cấp bằng                      | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                     | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức | Ưu tiên             | Chứng chỉ tiếng Anh | Đơn vị cấp                         | Ngày cấp                             | Cấu trúc đề thi và giải thuật                                    | Toán rời rạc | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương | Cơ sở dữ liệu         | Phân tích thiết kế HTTT | Công nghệ phần mềm | Môn khác tương đương |      |                 |  |  |  |  |       |
|    |                       |        |           |            |                                      |              |                                   |                |                     |              |                     |                     |                                    |                                      |                                                                  |              |                        |                      |                       |                         |                    |                      |      |                 |  |  |  |  |       |
| 65 | Lương Đức             | Mạnh   | Nam       | 01/07/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2026           | Giỏi                |              |                     |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT          | Tốt nghiệp 2026                      | 9.00                                                             |              |                        |                      | 7.60                  |                         |                    |                      |      |                 |  |  |  |  | 16.60 |
| 66 | Nguyễn Quang          | Minh   | Nam       | 04/12/2000 | Đại học Giao thông Vận tải           | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2024           | Giỏi                |              |                     |                     | APTIS ESOL B2                      | British Council                      | 23/11/2025                                                       |              | 7.40                   |                      |                       |                         |                    |                      |      | 8.30            |  |  |  |  | 15.70 |
| 67 | Hà Gia                | Minh   | Nam       | 13/09/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2026           | Khá                 |              |                     |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                                                  |              | 7.80                   |                      |                       |                         |                    |                      |      | 7.70            |  |  |  |  | 15.50 |
| 68 | Phan Đỗ Hải           | Minh   | Nam       | 28/08/2000 | Đại học Bách Khoa Hà Nội             | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2025           | Trung bình          |              |                     |                     | B2 Aptis ESOL                      | British Council                      | 03/05/2026                                                       | 5.95         |                        |                      |                       |                         |                    |                      |      | 8.20            |  |  |  |  | 14.15 |
| 69 | Lê Khánh              | Minh   | Nam       | 17/03/2002 | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | CQ           | Công nghệ thông tin- Truyền thông | 2025           | Khá                 |              |                     |                     | Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | 2025                                                             |              | 8.25                   |                      |                       | 6.80                    |                    |                      |      |                 |  |  |  |  | 15.05 |
| 70 | Phan Văn              | Nam    | Nam       | 10/09/2003 | Đại học Tân Trào                     | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2025           | Giỏi                |              |                     |                     | Bậc 3 tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                  | 03/04/2025                                                       |              |                        | 9.00                 |                       |                         |                    |                      | 7.70 |                 |  |  |  |  | 16.70 |
| 71 | Nguyễn Hoàng          | Nam    | Nam       | 04/02/2002 | Đại học Giao thông Vận tải           | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2024           | Khá                 |              |                     |                     | TOEIC 4 kỹ năng                    | ETS                                  | Độc 120, Viết 150 (15/04/2026)<br>Nghe 440, Nói 355 (16/09/2024) |              | 8.50                   |                      |                       |                         |                    |                      | 8.00 |                 |  |  |  |  | 16.50 |
| 72 | Lai Quang             | Nam    | Nam       | 11/03/2001 | Đại học Công nghệ Giao thông vận tải | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2024           | Xuất sắc            |              |                     |                     | B2 Aptis ESOL                      | British Council                      | 06/04/2026                                                       | 9.30         |                        |                      |                       |                         |                    |                      | 8.10 |                 |  |  |  |  | 17.40 |
| 73 | Bùi Hoài              | Nam    | Nam       | 04/11/1986 | Đại học Bách Khoa Hà Nội             | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2011           | Khá                 |              |                     |                     | Cử nhân NN Anh                     | Đại học Thái Nguyên                  | 16/03/2023                                                       | 6.00         |                        |                      |                       |                         |                    |                      | 6.00 |                 |  |  |  |  | 12.00 |
| 74 | Nguyễn Thị            | Nga    | Nữ        | 02/08/1980 | Học viện Công nghệ BCVT              | Tư xa        | Công nghệ thông tin               | 2009           | TB.Khả              |              |                     |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Học viện Khoa học Quân Sự            | 09/07/2025                                                       |              | 5.00                   |                      |                       | 6.00                    |                    |                      |      |                 |  |  |  |  | 11.00 |
| 75 | Lưu Trọng             | Nguyễn | Nam       | 23/05/2001 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2024           | Khá                 |              |                     |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 13/03/2024                                            |              | 8.80                   |                      |                       |                         |                    | 8.70                 |      |                 |  |  |  |  | 17.50 |
| 76 | Vũ Tiến               | Phúc   | Nam       | 28/05/2003 | Đại học Mỏ Địa chất                  | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2025           | Giỏi                |              |                     |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                    | Đại học Thái Nguyên                  | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026                                  | 6.70         |                        |                      |                       |                         | 8.70               |                      |      |                 |  |  |  |  | 15.40 |
| 77 | Nguyễn Anh            | Quán   | Nam       | 05/03/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2026           | Xuất sắc            |              |                     |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                                                  | 10.00        |                        |                      |                       | 9.20                    |                    |                      |      |                 |  |  |  |  | 19.20 |
| 78 | Nguyễn Minh           | Quang  | Nam       | 07/11/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2026           | Giỏi                |              |                     |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                                                  |              | 9.00                   |                      |                       |                         |                    | 7.30                 |      |                 |  |  |  |  | 16.30 |
| 79 | Lê Như                | Quỳnh  | Nữ        | 09/09/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2026           | Xuất sắc            |              |                     |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                                                  |              | 9.60                   |                      |                       | 8.40                    |                    |                      |      |                 |  |  |  |  | 18.00 |
| 80 | Nguyễn Hồng           | Son    | Nam       | 19/05/2002 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2025           | Khá                 |              |                     |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2025                                                  | 8.80         |                        |                      | 7.00                  |                         |                    |                      |      |                 |  |  |  |  | 15.80 |
| 81 | Nguyễn Hoàng          | Son    | Nam       | 16/08/2004 | Đại học FPT                          | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2026           | Khá                 |              |                     |                     | Chương trình học bằng tiếng Anh    | Đại học FPT                          | 05/03/2026                                                       | 7.50         |                        |                      |                       | 7.10                    |                    |                      |      |                 |  |  |  |  | 14.60 |
| 82 | Trịnh Ngọc            | Tâm    | Nam       | 07/05/2001 | Đại học Công nghệ-ĐH Quốc Gia Hà Nội | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2021           | Giỏi                |              |                     |                     | Bậc 4 tiếng Anh                    | Đại học ngoại ngữ-ĐH Quốc gia Hà Nội | 25/12/2025                                                       |              | 9.40                   |                      |                       | 7.40                    |                    |                      |      |                 |  |  |  |  | 16.80 |
| 83 | Đoàn Đức              | Thành  | Nam       | 11/10/1984 | Học viện Kỹ thuật quân sự            | LTCQ         | Công nghệ thông tin               | 2010           | Trung bình          |              |                     |                     | B1 Aptis ESOL                      | British Council                      | 19/05/2026                                                       | 7.00         |                        |                      |                       | 5.00                    |                    |                      |      |                 |  |  |  |  | 12.00 |
| 84 | Nguyễn Thị Thanh Thuý | Thuý   | Nữ        | 29/08/1997 | Học viện Kỹ thuật quân sự            | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2022           | Giỏi                |              |                     |                     | B2 Aptis ESOL                      | British Council                      | 01/06/2026                                                       |              | 8.50                   |                      |                       |                         | 8.60               |                      |      |                 |  |  |  |  | 17.10 |
| 85 | Nguyễn Thị            | Thuý   | Nữ        | 06/08/2001 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2026           | Giỏi                |              |                     |                     |                                    | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026                                                  |              | 10.00                  |                      |                       |                         |                    | 8.30                 |      |                 |  |  |  |  | 18.30 |
| 86 | Lê Đức                | Tiến   | Nam       | 20/07/1995 | Đại học Mỏ Hà Nội                    | CQ           | Công nghệ thông tin               | 2026           | Khá                 |              |                     |                     | Aptis ESOL B2                      | British Council                      | 02/06/2026                                                       | 7.80         |                        |                      | 6.20                  |                         |                    |                      |      |                 |  |  |  |  | 14.00 |

| TT  | Họ tên đệm   | Tên    | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  |              |                            |                |                     |         | BS kiến thức | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH             |                           |                                 |                               | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ |                        |                      |                    |                         | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                      |  |  | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |       |
|-----|--------------|--------|-----------|------------|--------------------------|--------------|----------------------------|----------------|---------------------|---------|--------------|---------------------------------|---------------------------|---------------------------------|-------------------------------|----------------|------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|--|--|-----------------|-------|
|     |              |        |           |            | Trưởng cấp bằng          | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo              | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | Ưu tiên |              | Chứng chỉ tiếng Anh             | Đơn vị cấp                | Ngày cấp                        | Cấu trúc đề thi và giải thuật | Toán rời rạc   | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương | Cơ sở dữ liệu HTTT | Phân tích thiết kế HTTT | Công nghệ phần mềm    | Môn khác tương đương |  |  |                 |       |
| 87  | Trịnh Đăng   | Tỉnh   | Nam       | 11/11/2002 | Đại học Thương mại       | CQ           | Hệ thống thông tin quản lý | 2024           | Xuất sắc            | x       |              | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 6.00                          |                |                        |                      | 8.70               |                         |                       |                      |  |  |                 | 14.70 |
| 88  | Dương Văn    | Toán   | Nam       | 28/04/2003 | Học viện Công nghệ BCVT  | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Giỏi                |         |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                               |                | 10.00                  |                      | 9.00               |                         |                       |                      |  |  |                 | 19.00 |
| 89  | Kiều Linh    | Trang  | Nữ        | 09/05/2003 | Học viện Công nghệ BCVT  | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Giỏi                |         |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                               |                | 10.00                  |                      |                    |                         | 8.40                  |                      |  |  |                 | 18.40 |
| 90  | Đỗ Khắc      | Trụ    | Nam       | 02/09/1991 | Đại học Bách Khoa Hà Nội | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2014           | Khá                 |         |              | B2 Aptis ESOL                   | British Council           | 09/05/2026                      |                               | 6.70           |                        |                      |                    | 8.95                    |                       |                      |  |  |                 | 15.65 |
| 91  | Lê Quang     | Trung  | Nam       | 31/12/2003 | Đại học FPT              | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2025           | Khá                 |         |              | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT               | Tốt nghiệp 2025                 |                               | 7.60           |                        |                      |                    |                         | 6.60                  |                      |  |  |                 | 14.20 |
| 92  | Trần Vũ      | Trường | Nam       | 13/01/1999 | Đại học FPT              | CQ           | Kỹ thuật phần mềm          | 2022           | Giỏi                |         |              | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT               | 2022                            | 7.30                          |                |                        |                      | 7.90               |                         |                       |                      |  |  |                 | 15.20 |
| 93  | Nguyễn Thanh | Tú     | Nam       | 24/09/1990 | Học viện Công nghệ BCVT  | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2014           | TB.Khá              |         |              | B1 Aptis ESOL                   | British Council           | 03/05/2026                      |                               |                | 6.00                   |                      |                    |                         | 7.00                  |                      |  |  |                 | 13.00 |
| 94  | Nguyễn Hữu   | Trần   | Nam       | 17/05/2002 | Học viện Công nghệ BCVT  | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2025           | Xuất sắc            |         |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 |                               |                | 8.10                   |                      |                    | 9.60                    |                       |                      |  |  |                 | 17.70 |
| 95  | Vũ Sơn       | Tùng   | Nam       | 23/08/2000 | Đại học Kiến trúc Hà Nội | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Khá                 |         |              | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 7.4                           |                |                        |                      |                    |                         | 8.10                  |                      |  |  |                 | 15.50 |
| 96  | Vũ Thành     | Tuyến  | Nam       | 05/05/2003 | Học viện Công nghệ BCVT  | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Giỏi                |         |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                               | 8.30           |                        |                      | 9.10               |                         |                       |                      |  |  |                 | 17.40 |
| 97  | Nguyễn Thế   | Vũ     | Nam       | 05/06/2002 | Đại học FPT              | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | TB.Khá              |         |              | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT               | 2026                            |                               |                |                        |                      |                    |                         | 6.60                  |                      |  |  |                 | 13.40 |
| 98  | Hoàng Anh    | Vũ     | Nam       | 27/11/2003 | Học viện Công nghệ BCVT  | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Xuất sắc            |         |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 | 9.30                          |                |                        |                      | 9.30               |                         |                       |                      |  |  |                 | 18.60 |
| 99  | Nguyễn Văn   | Vui    | Nam       | 30/09/1990 | Đại học FPT              | CQ           | Kỹ thuật phần mềm          | 2014           | TB.Khá              |         |              | B2 Aptis ESOL                   | British Council           | 02/06/2026                      | 5.60                          |                |                        |                      | 7.30               |                         |                       |                      |  |  |                 | 12.90 |
| 100 | Nguyễn Hải   | Yến    | Nữ        | 18/08/2003 | Học viện Công nghệ BCVT  | CQ           | Công nghệ thông tin        | 2026           | Giỏi                |         |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2026                 |                               |                | 10.00                  |                      | 8.90               |                         |                       |                      |  |  |                 | 18.90 |

Danh sách gồm: 100 học viên

Người lập biểu

*(Chữ ký)*

Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026

CHUYÊN NGÀNH: AN TOÀN THÔNG TIN - CƠ SỞ PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số 3302/QĐ-HV ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

| TT | Họ tên đệm       | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC |              |                                          |                |                     | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                     |                                 |                                      |                                 | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                |                  |                      |              |                   | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH                 |                      |         |  | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |       |
|----|------------------|-------|-----------|------------|-------------------------|--------------|------------------------------------------|----------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------|----------------------|--------------|-------------------|---------------------------------------|----------------------|---------|--|-----------------|-------|
|    |                  |       |           |            | Trưởng cấp bằng         | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                            | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức        | Chứng chỉ tiếng Anh | Đơn vị cấp                      | Ngày cấp                             | Mạng máy tính                   | Cơ sở an toàn học (thông tin) | Mật mã học cơ sở | Môn khác tương đương | An toàn mạng | Kiểm thử xâm nhập | An toàn ứng dụng web và cơ sở dữ liệu | Môn khác tương đương |         |  |                 |       |
|    |                  |       |           |            |                         |              |                                          |                |                     |                     |                     |                                 |                                      |                                 |                               |                  |                      |              |                   |                                       |                      | Ưu tiên |  |                 |       |
| 1  | Đỗ Đức Quốc      | Anh   | Nam       | 14/10/2001 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2024           | Khá                 |                     |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp 13/03/2024                |                                 | 8.90                          |                  |                      | 9.10         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 18.00 |
| 2  | Đinh Việt        | Anh   | Nam       | 24/05/2002 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2025           | Khá                 |                     |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp 2025                      |                                 | 10.00                         |                  |                      | 9.00         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 19.00 |
| 3  | Lê Đức           | Anh   | Nam       | 15/03/2003 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2026           | Giỏi                |                     |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp 2026                      |                                 | 9.50                          |                  |                      | 9.40         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 18.90 |
| 4  | Nguyễn Đăng Tuấn | Báo   | Nam       | 25/05/2002 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2025           | Khá                 |                     |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp 2025                      |                                 | 9.20                          |                  |                      | 8.80         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 18.00 |
| 5  | Trần Văn         | Chính | Nam       | 31/05/2003 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2026           | Giỏi                |                     |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp 2026                      | 8.00                            |                               |                  |                      | 10.00        |                   |                                       |                      |         |  |                 | 18.00 |
| 6  | Mai Minh         | Đức   | Nam       | 13/09/1997 | CQ                      | CQ           | Điện tử viễn thông                       | 2021           | Trung bình          | x                   |                     | B2 Apts ESOL                    | British Council                      | 24/05/2026                      | 8.60                          |                  |                      | 5.00         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 13.60 |
| 7  | Nguyễn Thái      | Dương | Nam       | 04/07/2003 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2024           | Khá                 |                     |                     | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | 26/11/2024                      | 8.30                          |                  |                      |              |                   | 8.10                                  |                      |         |  |                 | 16.40 |
| 8  | Phạm Thị Ninh    | Giang | Nữ        | 09/07/1996 | CQ                      | CQ           | Công nghệ thông tin                      | 2019           | Khá                 | x                   |                     | Cử nhân NN Anh                  | Đại học Thái Nguyên                  | 30/12/2025                      |                               | 8.00             |                      | 5.40         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 13.40 |
| 9  | Nguyễn Đình      | Hải   | Nam       | 27/10/2003 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2026           | Khá                 |                     |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp 2026                      |                                 | 8.60                          |                  |                      | 10.00        |                   |                                       |                      |         |  |                 | 18.60 |
| 10 | Đỗ Trọng         | Hiệp  | Nam       | 25/06/1997 | CQ                      | CQ           | Điện tử viễn thông                       | 2022           | Khá                 | x                   |                     | B2 Apts ESOL                    | British Council                      | 31/05/2026                      |                               | 6.40             |                      | 5.00         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 11.40 |
| 11 | Nguyễn Đức       | Hiếu  | Nam       | 09/12/1999 | CQ                      | CQ           | Công nghệ thông tin                      | 2021           | Khá                 | x                   |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                  | QB 3693/QĐ-BHTN ngày 16/06/2026 |                               |                  |                      | 6.00         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 11.20 |
| 12 | Đoàn Văn         | Hoàng | Nam       | 19/04/1997 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2024           | Trung bình          |                     |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp 10/2024                   |                                 | 6.90                          |                  |                      | 7.20         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 14.10 |
| 13 | Đỗ Lê Mạnh       | Hùng  | Nam       | 30/07/2002 | CQ                      | CQ           | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu    | 2024           | Giỏi                | x                   |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                  | QB 3693/QĐ-BHTN ngày 16/06/2026 |                               | 8.90             |                      |              | 7.20              |                                       |                      |         |  |                 | 16.10 |
| 14 | Ninh Tuấn        | Hưng  | Nam       | 15/12/2003 | CQ                      | CQ           | Công nghệ thông tin/CN An toàn thông tin | 2025           | Khá                 |                     |                     | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT                          | 2025                            | 7.30                          |                  |                      | 8.70         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 16.00 |
| 15 | Nguyễn Văn       | Hưng  | Nam       | 04/07/2001 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2024           | Khá                 |                     |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                  | QB 3693/QĐ-BHTN ngày 16/06/2026 |                               | 7.60             |                      | 6.50         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 14.10 |
| 16 | Nguyễn Thái      | Hữu   | Nam       | 20/05/1999 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2024           | Trung bình          |                     |                     | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên                  | QB 3693/QĐ-BHTN ngày 16/06/2026 | 6.50                          |                  |                      |              | 7.30              |                                       |                      |         |  |                 | 13.80 |
| 17 | Nguyễn Nhật      | Huy   | Nam       | 29/12/2002 | CQ                      | CQ           | Công nghệ thông tin/ An toàn thông tin   | 2024           | Khá                 |                     |                     | IELTS 5.0                       | British Council                      | 30/12/2024                      | 9.80                          |                  |                      | 8.00         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 17.80 |
| 18 | Trần Quang       | Huy   | Nam       | 04/01/2002 | CQ                      | CQ           | An toàn thông tin                        | 2025           | Khá                 |                     |                     | Sinh viên Học viện CNBCVT       | Tốt nghiệp 2025                      |                                 | 8.80                          |                  |                      | 8.10         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 16.90 |
| 19 | Trần Duy         | Khải  | Nam       | 10/07/2000 | CQ                      | CQ           | CN Kỹ thuật điện tử                      | 2023           | Khá                 | x                   |                     | APTIS ESOL BI                   | British Council                      | 03/04/2026                      |                               | 6.40             |                      | 6.00         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 12.40 |
| 20 | Nguyễn Văn       | Khoa  | Nam       | 10/11/2002 | CQ                      | CQ           | Công nghệ thông tin                      | 2024           | Khá                 |                     |                     | Bậc 3 tiếng Anh                 | Đại học Bách Khoa Hà Nội             | 17/04/2026                      | 6.60                          |                  |                      | 5.40         |                   |                                       |                      |         |  |                 | 12.00 |

| TT | Họ tên đệm       | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC              |              |                                |                |                     | BS kiến thức | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH             |                                      |                       | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ |                   |                  |                      |              | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                                       |                      |  | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|----|------------------|-------|-----------|------------|--------------------------------------|--------------|--------------------------------|----------------|---------------------|--------------|---------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|----------------|-------------------|------------------|----------------------|--------------|-----------------------|---------------------------------------|----------------------|--|-----------------|
|    |                  |       |           |            | Trưởng cấp bằng                      | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                  | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp |              | Chứng chỉ tiếng Anh             | Đơn vị cấp                           | Ngày cấp              | Mạng máy tính  | Cơ sở an toàn học | Mật mã học cơ sở | Môn khác tương đương | An toàn mạng | Kiểm thử xâm nhập     | An toàn ứng dụng web và cơ sở dữ liệu | Môn khác tương đương |  |                 |
| 21 | Lê Thị           | Linh  | Nữ        | 01/08/2001 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2024           | Khá                 |              | B2 Aptis ESOL                   | British Council                      | 24/05/2026            | 8.90           |                   |                  | 8.50                 |              |                       |                                       | 17.40                |  |                 |
| 22 | Nguyễn Thành     | Long  | Nam       | 14/11/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2026           | Khá                 |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | 2026                  |                |                   | 7.30             | 8.10                 |              |                       |                                       | 15.40                |  |                 |
| 23 | Đặng Văn         | Long  | Nam       | 22/12/2001 | Đại học FPT                          | CQ           | Chuyên ngành An toàn thông tin | 2026           | Khá                 |              | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT                          | 05/03/2026            | 8.50           |                   |                  |                      | 8.10         |                       |                                       | 16.60                |  |                 |
| 24 | Nguyễn Phương    | Mai   | Nữ        | 14/08/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2026           | Xuất sắc            |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026       | 9.30           |                   |                  | 9.80                 |              |                       |                                       | 19.10                |  |                 |
| 25 | Đào Xuân         | Mạnh  | Nam       | 28/08/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2026           | Khá                 |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026       | 8.80           |                   |                  | 10.00                |              |                       |                                       | 18.80                |  |                 |
| 26 | Nguyễn Văn       | Minh  | Nam       | 26/09/2000 | Đại học FPT                          | CQ           | An toàn thông tin              | 2023           | Khá                 |              | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT                          | 23/02/2023            | 8.40           |                   |                  | 8.60                 |              |                       |                                       | 17.00                |  |                 |
| 27 | Nguyễn Bình      | Minh  | Nam       | 01/09/1999 | Đại học Điện lực                     | CQ           | Công nghệ thông tin            | 2023           | Giỏi                | x            | B2 Aptis ESOL                   | British Council                      | 31/05/2026            | 7.00           |                   |                  |                      | 8.10         |                       |                                       | 15.10                |  |                 |
| 28 | Chu Văn          | Nam   | Nam       | 01/10/2002 | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | CQ           | An toàn thông tin              | 2025           | TB.Khá              |              | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | 12/03/2025            | 8.60           |                   |                  |                      | 7.85         |                       |                                       | 16.45                |  |                 |
| 29 | Nguyễn Giang     | Nam   | Nam       | 16/11/2002 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2026           | Khá                 |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026       | 9.10           |                   |                  | 9.70                 |              |                       |                                       | 18.80                |  |                 |
| 30 | Dương Văn        | Nhã   | Nam       | 02/02/2001 | Đại học Thủ Đô Hà Nội                | CQ           | Công nghệ thông tin            | 2023           | Khá                 | x            | B1 Aptis ESOL                   | British Council                      | 26/04/2026            |                |                   | 7.20             | 7.00                 |              |                       |                                       | 14.20                |  |                 |
| 31 | Mai Xuân         | Nhật  | Nam       | 18/05/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2026           | Giỏi                |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026       | 9.00           |                   |                  | 9.60                 |              |                       |                                       | 18.60                |  |                 |
| 32 | Lục Nguyễn Trang | Nhi   | Nữ        | 16/10/2002 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2025           | Xuất sắc            |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2025       |                |                   |                  | 9.10                 |              |                       |                                       | 18.80                |  |                 |
| 33 | Trần Thị         | Nhung | Nữ        | 17/01/1989 | Học viện Công nghệ BCVT              | Từ xa        | Công nghệ thông tin            | 2026           | Khá                 | x            | B1 Aptis ESOL                   | British Council                      | 10/05/2026            | 7.90           |                   |                  | 5.70                 |              |                       |                                       | 13.60                |  |                 |
| 34 | Nguyễn Ngọc      | Quân  | Nam       | 05/02/2002 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2025           | Khá                 |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2025       |                |                   | 10.00            | 9.50                 |              |                       |                                       | 19.50                |  |                 |
| 35 | Hoàng Quốc Minh  | Quân  | Nam       | 19/10/2003 | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | CQ           | An toàn thông tin              | 2024           | Khá                 |              | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội | 26/11/2024            | 7.80           |                   |                  |                      | 8.90         |                       |                                       | 16.70                |  |                 |
| 36 | Nguyễn Đình      | Quyết | Nam       | 28/08/2000 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2024           | Trung bình          |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 21/08/2024 |                |                   | 8.40             |                      | 8.20         |                       |                                       | 16.60                |  |                 |
| 37 | Hoàng Văn        | Thái  | Nam       | 09/10/2003 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2026           | Giỏi                |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2026       |                |                   | 8.10             | 9.20                 |              |                       |                                       | 17.30                |  |                 |
| 38 | Nguyễn Toàn      | Thắng | Nam       | 18/04/2002 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2025           | Giỏi                |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT            | Tốt nghiệp 2025       |                |                   | 9.40             |                      | 7.60         |                       |                                       | 17.00                |  |                 |
| 39 | Đặng Phương      | Thảo  | Nữ        | 06/03/2001 | Đại học Quốc Gia Hà Nội              | CQ           | Tin học và kỹ thuật máy tính   | 2024           | Giỏi                | x            | APTIS ESOL B2                   | British Council                      | 27/10/2024            |                |                   | 8.00             | 5.90                 |              |                       |                                       | 13.90                |  |                 |
| 40 | Lê Thị           | Thu   | Nữ        | 14/06/1996 | Đại học Bách khoa Hà Nội             | VLVH         | Công nghệ thông tin            | 2021           | Trung bình          | x            | B1 Aptis ESOL                   | British Council                      | 27/05/2026            |                |                   | 8.10             | 4.45                 |              |                       |                                       | 12.55                |  |                 |
| 41 | Phạm Thị Minh    | Thúy  | Nữ        | 12/01/2003 | Đại học FPT                          | CQ           | Chuyên ngành An toàn thông tin | 2025           | Khá                 |              | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT                          | 2025                  |                |                   |                  | 8.20                 |              |                       |                                       | 16.00                |  |                 |
| 42 | Trịnh Công       | Toàn  | Nam       | 31/01/2001 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | An toàn thông tin              | 2024           | Khá                 |              | B2 Aptis ESOL                   | British Council                      | 27/05/2026            | 7.90           |                   |                  |                      |              |                       |                                       | 16.50                |  |                 |
| 43 | Bùi Huy          | Toàn  | Nam       | 09/09/1993 | Học viện Công nghệ BCVT              | CQ           | Điện tử viễn thông             | 2019           | Khá                 | x            | Cử nhân Ngôn ngữ Anh            | Đại học Thái Nguyên                  | 08/04/2024            |                |                   | 7.10             | 6.40                 |              |                       |                                       | 13.50                |  |                 |

| TT | Họ tên đệm | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC        |              |                             |                |                     | BS kiến thức | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH             |                           |                                 | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ |                         |                  |                      |              | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                                       |                      |  | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |
|----|------------|-------|-----------|------------|--------------------------------|--------------|-----------------------------|----------------|---------------------|--------------|---------------------------------|---------------------------|---------------------------------|----------------|-------------------------|------------------|----------------------|--------------|-----------------------|---------------------------------------|----------------------|--|-----------------|
|    |            |       |           |            | Trường cấp bằng                | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo               | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp |              | Chứng chỉ tiếng Anh             | Đơn vị cấp                | Ngày cấp                        | Mạng máy tính  | Cơ sở an toàn thông tin | Mật mã học cơ sở | Môn khác tương đương | An toàn mạng | Kiểm thử xâm nhập     | An toàn ứng dụng web và cơ sở dữ liệu | Môn khác tương đương |  |                 |
| 44 | Đỗ Xuân    | Trung | Nam       | 08/09/2001 | Học viện Công nghệ BCVT        | CQ           | An toàn thông tin           | 2025           | Giỏi                |              |                                 | Sinh viên Học viện CNBCVT | Tốt nghiệp 2025                 |                | 10.00                   |                  |                      | 9.00         |                       |                                       |                      |  | 19.00           |
| 45 | Đỗ Việt    | Tú    | Nam       | 06/07/2000 | Đại học Thủ Đức Hà Nội         | CQ           | Công nghệ thông tin         | 2022           | Giỏi                | x            | C1 Aptis ESOL                   | British Council           | 27/04/2026                      |                |                         | 9.10             |                      | 7.20         |                       |                                       |                      |  | 16.30           |
| 46 | Phạm Thế   | Văn   | Nam       | 24/01/1997 | Học viện Kỹ thuật mật mã       | CQ           | An toàn thông tin           | 2021           | Khá                 |              | Aptis ESOL B1                   | British Council           | 01/04/2025                      |                |                         | 7.70             |                      | 6.60         |                       | 6.60                                  |                      |  | 20.90           |
| 47 | Hồ Anh     | Vũ    | Nam       | 21/11/2000 | Đại học FPT                    | CQ           | An toàn thông tin           | 2022           | Khá                 |              | Chương trình học bằng tiếng Anh | Đại học FPT               | 2022                            | 8.90           |                         |                  |                      | 8.00         |                       |                                       |                      |  | 16.90           |
| 48 | Trần Đức   | Vương | Nam       | 06/01/2002 | Đại học Kỹ thuật- Hậu cần CAND | CQ           | Kỹ thuật điện tử viễn thông | 2025           | Khá                 | x            | Bậc 3 Tiếng Anh                 | Đại học Thái Nguyên       | QĐ 3693/QĐ-DHTN ngày 16/06/2026 |                | 6.80                    |                  |                      | 5.90         |                       |                                       |                      |  | 12.70           |
| 49 | Lương Văn  | Đạo   | Nam       | 29/12/1999 | Học viện Công nghệ BCVT        | CQ           | An toàn thông tin           | 2022           | Trung bình          |              | Aptis ESOL B1                   | British Council           | 06/06/2026                      |                | 8.30                    |                  |                      |              | 9.10                  |                                       |                      |  | 17.40           |

Danh sách gồm: 49 học viên

Người tập biểu

*[Signature]*

Đinh Thị Bích Hạnh



PGS.TS. Trần Quang Anh



DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026

CHUYỂN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH - CƠ SỞ PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số 2026/QĐ-HV ngày 15 tháng 1 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

| TT | Họ tên đệm        | Tên    | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC          |              |                                       |                | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |              |         | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ               |                               |                                 |               |               | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                      |              |                     | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN | Điều kiện về trình độ quản lý |                                                  |
|----|-------------------|--------|-----------|------------|----------------------------------|--------------|---------------------------------------|----------------|---------------------|--------------|---------|------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|---------------|---------------|-----------------------|----------------------|--------------|---------------------|-----------------|-------------------------------|--------------------------------------------------|
|    |                   |        |           |            | Trưởng cấp bằng                  | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                         | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức | Ưu tiên | Chứng chỉ tiếng Anh          | Đơn vị cấp                    | Ngày cấp                        | Kinh tế vĩ mô | Kinh tế vĩ mô | Toán kinh tế          | Môn khác tương đương | Quản trị học | Quản trị chiến lược |                 |                               | Phân tích hoạt động kinh doanh                   |
| 1  | Ngô Kiều          | Anh    | Nữ        | 29/04/2002 | Học viện Công nghệ BCVT          | CQ           | Thương mại điện tử                    | 2024           | Khá                 |              |         |                              | Sinh viên Học viện CNBCVT     | Tốt nghiệp 8/2024               |               | 6.80          |                       |                      | 8.60         |                     |                 | 15.40                         | CV VH&QL đối tác về đổi mới sáng tạo, TTEMST& KN |
| 2  | Nguyễn Thị Phương | Anh    | Nữ        | 24/11/1997 | Đại học Kinh tế Quốc dân         | 2019         | Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh Thương mại)   | 2019           | Khá                 | x            |         | Cử nhân ngôn ngữ Anh         | Đại học Kinh tế Quốc dân      | 2019                            |               | 7.90          |                       |                      | 7.80         |                     |                 | 15.70                         | CV VH&QL đối tác về đổi mới sáng tạo, TTEMST& KN |
| 3  | Nghiêm Thị Minh   | Ánh    | Nữ        | 16/09/2002 | Học viện Tài chính               | CQ           | Quản trị kinh doanh                   | 2024           | Khá                 |              | x       | Bậc 3 Tiếng Anh              | Đại học Thái Nguyên           | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |               | 8.00          |                       |                      | 8.50         |                     |                 | 16.50                         | CV VH&QL đối tác về đổi mới sáng tạo, TTEMST& KN |
| 4  | Dương Ngọc        | Ánh    | Nữ        | 22/10/1999 | Đại học Giáo dục, Đại học QGHN   | 2022         | Quản trị trường học                   | 2022           | Giỏi                | x            |         | B1 Aptis ESOL                | British Council               | 13/04/2026                      |               |               |                       |                      | 7.00         | 7.40                |                 | 14.40                         | CV VH&QL đối tác về đổi mới sáng tạo, TTEMST& KN |
| 5  | Bùi Mai           | Chi    | Nữ        | 18/10/2003 | Học viện Công nghệ BCVT          | CQ           | Công nghệ tài chính                   | 2025           | Khá                 | x            |         | B2 Aptis ESOL                | Sinh viên Học viện CNBCVT     | Tốt nghiệp 2025                 | 8.70          |               |                       |                      |              | 7.80                |                 | 16.50                         | CV VH&QL đối tác về đổi mới sáng tạo, TTEMST& KN |
| 6  | Nguyễn Huyền      | Diệu   | Nữ        | 01/02/2003 | Học viện Công nghệ BCVT          | VLVH         | Quản trị kinh doanh                   | 2026           | Khá                 |              |         | B2 Aptis ESOL                | British Council               | 01/09/2025                      | 6.30          |               |                       |                      | 8.20         |                     |                 | 14.50                         |                                                  |
| 7  | Nguyễn Việt       | Đức    | Nam       | 07/08/2001 | Học viện Báo chí và tuyên truyền | CQ           | Báo chí                               | 2024           | Khá                 | x            |         | Bậc 3 Tiếng Anh              | Đại học Thái Nguyên           | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |               | 8.00          |                       |                      | 7.50         |                     |                 | 15.50                         | Bảo chí- Quản lý mạng xã hội                     |
| 8  | Khương Thuý       | Dung   | Nữ        | 30/11/2003 | Học viện Công nghệ BCVT          | 2025         | Marketing                             | 2025           | Khá                 |              |         |                              | Sinh viên Học viện CNBCVT     | Tốt nghiệp 2025                 |               | 6.80          |                       |                      | 8.60         |                     |                 | 15.40                         |                                                  |
| 9  | Nguyễn Trọng      | Dũng   | Nam       | 12/03/2001 | Học viện Công nghệ BCVT          | CQ           | CN Kỹ thuật điện tử                   | 8/2024         | Khá                 | x            |         |                              | Sinh viên Học viện CNBCVT     | Tốt nghiệp 8/2024               |               | 7.60          |                       |                      | 7.80         |                     |                 | 15.40                         | Phòng KD, CTCP NC&PT ASPHALT VN                  |
| 10 | Đặng Thuý         | Dương  | Nữ        | 26/10/2001 | Học viện Tài chính               | CQ           | Kế toán                               | 2024           | Trung bình          | x            |         | B1 Aptis ESOL                | British Council               | 02/05/2026                      |               | 4.00          |                       |                      |              | 8.60                |                 | 12.60                         |                                                  |
| 11 | Nguyễn Thị        | Giang  | Nữ        | 08/05/1990 | Học viện Công nghệ BCVT          | CQ           | Quản trị kinh doanh                   | 2013           | TB.Khá              |              |         | IELTS 4.5                    | British Council               | 23/12/2024                      |               | 9.00          |                       |                      |              | 8.00                |                 | 17.00                         |                                                  |
| 12 | Nguyễn Thu        | Hàng   | Nữ        | 09/09/2003 | Học viện Công nghệ BCVT          | VLVH         | Quản trị kinh doanh                   | 2026           | Khá                 |              |         | B1 Aptis ESOL                | British Council               | 29/03/2025                      | 6.40          |               |                       |                      | 7.00         |                     |                 | 13.40                         |                                                  |
| 13 | Nguyễn Thị Hồng   | Hạnh   | Nữ        | 24/11/1974 | Học viện Công nghệ BCVT          | VLVH         | Quản trị kinh doanh                   | 2010           | Khá                 |              |         | B1 Aptis ESOL                | British Council               | 29/04/2026                      |               | 5.00          |                       |                      |              | 9.00                |                 | 14.00                         |                                                  |
| 14 | Đỗ Quang          | Hưng   | Nam       | 15/08/2001 | ĐH Công nghệ Giao thông vận tải  | CQ           | Mạng máy tính và truyền thông đr liệu | 2025           | Khá                 | x            |         | Bậc 3 Tiếng Anh              | Đại học Thái Nguyên           | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |               | 7.80          |                       |                      | 7.20         |                     |                 | 15.00                         | Nhân viên Trung tâm chuyển đổi số CNTT           |
| 15 | Nguyễn Mai        | Hương  | Nữ        | 21/02/2003 | Học viện Công nghệ BCVT          | VLVH         | Quản trị kinh doanh                   | 2026           | Khá                 |              |         | B1 Aptis ESOL                | British Council               | 02/04/2025                      |               |               | 7.50                  |                      | 7.10         |                     |                 | 14.60                         |                                                  |
| 16 | Nguyễn Thị        | Huyền  | Nữ        | 19/10/2003 | Học viện Công nghệ BCVT          | VLVH         | Quản trị kinh doanh                   | 2026           | Khá                 |              |         | Bậc 3 Tiếng Anh              | Đại học Thái Nguyên           | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 6.60          |               |                       |                      |              |                     | 7.70            | 14.30                         |                                                  |
| 17 | Đoàn Diệu         | Linh   | Nữ        | 21/05/1993 | Học viện Công nghệ BCVT          | CQ           | Công nghệ thông tin                   | 2016           | Khá                 | x            |         |                              | Đại học Thái Nguyên           | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |               | 7.60          |                       |                      |              |                     |                 | 15.20                         | Nhân viên Trung tâm chuyển đổi số CNTT           |
| 18 | Nguyễn Thị Phương | Linh   | Nữ        | 11/06/1985 | Học viện Công nghệ BCVT          | CQ           | Quản trị kinh doanh                   | 2009           | Khá                 |              |         | Bậc 3 Tiếng Anh              | Đại học Thái Nguyên           | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 | 8.00          |               |                       |                      |              |                     |                 | 16.00                         |                                                  |
| 19 | Phạm Tiến         | Mạnh   | Nam       | 01/04/1999 | Học viện Công nghệ BCVT          | CQ           | Marketing                             | 2026           | Trung bình          |              |         |                              | Sinh viên Học viện CNBCVT     | Tốt nghiệp 2026                 |               | 5.70          |                       |                      | 6.00         |                     | 8.00            | 11.70                         |                                                  |
| 20 | Nguyễn Đan        | Phượng | Nữ        | 19/01/2003 | Học viện Công nghệ BCVT          | VLVH         | Quản trị kinh doanh                   | 2026           | Khá                 |              |         | B1 Aptis ESOL                | British Council               | 04/06/2025                      |               |               | 7.10                  |                      | 6.80         |                     |                 | 13.90                         |                                                  |
| 21 | Nguyễn Anh        | Quân   | Nam       | 29/11/2003 | Trường Quốc tế-ĐH Quốc gia HN    | CQ           | Kinh doanh quốc tế                    | 2025           | Khá                 |              |         | Chương trình đào tạo bằng TA | Trường Quốc tế ĐH Quốc gia HN | 12/11/2025                      |               | 7.45          |                       |                      | 8.20         |                     |                 | 15.65                         |                                                  |



| TT | Họ tên đệm | Tên         | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC |                                                         |                     |                     |                     |              | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                     |                 |                     | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ                  |               |              |                      | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |                     |                                |                      | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN | Điều kiện về trình độ quản lý |       |                                       |
|----|------------|-------------|-----------|------------|-------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|--------------|---------------------|---------------------|-----------------|---------------------|---------------------------------|---------------|--------------|----------------------|-----------------------|---------------------|--------------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------|-------|---------------------------------------|
|    |            |             |           |            | Trường cấp bằng         | Hình thức ĐT                                            | Ngành đào tạo       | Năm tốt nghiệp      | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức | Ưu tiên             | Chứng chỉ tiếng Anh | Đơn vị cấp      | Ngày cấp            | Kinh tế vĩ mô                   | Kinh tế vĩ mô | Toán kinh tế | Môn khác tương đương | Quản trị học          | Quản trị chiến lược | Phần tích hoạt động kinh doanh | Môn khác tương đương |                 |                               |       |                                       |
| 22 | Lê         | Nguyễn Minh | Thái      | Nam        | 03/09/2001              | ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia HN liên lạc với ĐH Troy Hoa Kỳ | CQ                  | Quản trị kinh doanh | 2025                |              |                     |                     | Bậc 4 tiếng Anh | Đại học Hà Nội      | 14/10/2025                      |               | 7.45         |                      |                       |                     | 7.45                           |                      |                 |                               | 14.90 |                                       |
| 23 | Vũ Văn     | Thành       | Nam       | 19/11/1991 | Đại học Thương mại      | VLVH                                                    | Quản trị kinh doanh | 2021                | Giỏi                |              |                     |                     | B2 Aptis ESOL   | British Council     | 27/04/2026                      |               | 8.00         |                      |                       | 7.00                |                                |                      |                 |                               | 15.00 |                                       |
| 24 | Nguyễn     | Ngọc Trâm   | Nữ        | 04/12/2004 | Đại học Đại Nam         | CQ                                                      | Tài chính ngân hàng | 2026                | Giỏi                | x            |                     |                     | B2 Aptis ESOL   | British Council     | 10/05/2026                      | 8.50          |              |                      |                       | 6.70                |                                |                      |                 |                               | 15.20 |                                       |
| 25 | Phạm Quốc  | Việt        | Nam       | 01/09/1997 | Học viện Công nghệ BCVT | CQ                                                      | Điện tử viễn thông  | 2020                | Khá                 | x            |                     |                     | Bậc 3 Tiếng Anh | Đại học Thái Nguyên | QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026 |               | 8.00         |                      |                       |                     | 7.80                           |                      |                 |                               | 15.80 | Kinh doanh tại CT giải pháp DN Vietel |

Danh sách gồm: 25 học viên

Người lập biểu

*[Signature]*

Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026

CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT VIỄN THÔNG - CƠ SỞ PHÍA NAM

(Kèm theo Quyết định định số 2302/QĐ-HV ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

| TT | Họ tên đệm  | Tên           | Giới tính | Ngày sinh  | Dân tộc | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC      |              |                                |                |                     |              | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                            |                                            |            | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ |                   |                                           |                      | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH      |                             |                          |                             | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |       |
|----|-------------|---------------|-----------|------------|---------|------------------------------|--------------|--------------------------------|----------------|---------------------|--------------|---------------------|----------------------------|--------------------------------------------|------------|----------------|-------------------|-------------------------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------|-------|
|    |             |               |           |            |         | Trường cấp bằng              | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo                  | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức | Ưu tiên             | Chứng chỉ tiếng Anh        | Đơn vị cấp                                 | Ngày cấp   | Lý thuyết mạch | Xử lý tín hiệu số | Lý thuyết truyền tin/ Lý thuyết thông tin | Môn khác tương đương | Kỹ thuật mạng truyền thông | Kỹ thuật thông tin vô tuyến | Kỹ thuật thông tin quang | Môn khác tương đương        |                 |       |
|    |             |               |           |            |         |                              |              |                                |                |                     |              |                     |                            |                                            |            |                |                   |                                           |                      |                            |                             |                          |                             |                 |       |
| 1  | Nguyễn Châu | Trần Bảo Châu | Nữ        | 01/10/2003 | Kinh    | Học viện CN BCVT             | CQ           | Kỹ thuật Điện tử viễn thông    | 2026           | Giỏi                |              |                     | Sinh viên Học viện CN BCVT | Tốt nghiệp 2026                            |            | 8.70           |                   |                                           |                      | 7.80                       |                             |                          |                             |                 | 16.50 |
| 2  | Trần Quý    | Hòa           | Nam       | 20/10/2003 | Kinh    | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | CQ           | Kỹ thuật Điện tử viễn thông    | 2026           | Trung bình Khá      |              |                     | British Council            | 19/05/2026                                 |            | 6.10           |                   |                                           |                      | 7.20                       |                             |                          | Hệ thống thông tin vô tuyến |                 | 13.30 |
| 3  | Nguyễn Đăng | Khoa          | Nam       | 20/11/2002 | Kinh    | Học viện CN BCVT             | CQ           | Kỹ thuật Điện tử viễn thông    | 2025           | Khá                 |              |                     | Sinh viên Học viện CN BCVT | Tốt nghiệp 2025                            |            |                | 8.80              |                                           | 7.30                 |                            |                             |                          |                             |                 | 16.10 |
| 4  | Phan Hoàng  | Khang         | Nam       | 18/09/1995 | Kinh    | Học viện CN BCVT             | CQ           | Kỹ thuật Điện tử, truyền thông | 2018           | Trung bình          |              |                     | Bảng Cử nhân Ngôn ngữ Anh  | Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An | 12/02/2026 |                |                   | 7.70                                      |                      | 6.90                       |                             |                          |                             |                 | 14.60 |

Danh sách gồm: 04 học viên

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026

CHUYÊN NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN - CƠ SỞ PHÍA NAM

(Kèm theo Quyết định số 229/QĐ-HV ngày 7 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

| TT | Họ tên đệm            | Tên                | Giới tính | Ngày sinh  | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC                        |              |                     |                |                     |              | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                     |                            | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ     |                               |              |                        | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |               |                         |                    | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN |                      |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  |       |       |
|----|-----------------------|--------------------|-----------|------------|------------------------------------------------|--------------|---------------------|----------------|---------------------|--------------|---------------------|---------------------|----------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------|------------------------|-----------------------|---------------|-------------------------|--------------------|-----------------|----------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|------|--|-------|-------|
|    |                       |                    |           |            | Trường cấp bằng                                | Hình thức ĐT | Ngành đào tạo       | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức | Ưu tiên             | Chứng chỉ tiếng Anh | Đơn vị cấp                 | Ngày cấp           | Cấu trúc đề thi và giải thuật | Toán rời rạc | Ngôn ngữ lập trình C++ | Môn khác tương đương  | Cơ sở dữ liệu | Phân tích thiết kế HTTT | Công nghệ phần mềm |                 | Môn khác tương đương |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  |       |       |
|    |                       |                    |           |            |                                                |              |                     |                |                     |              |                     |                     |                            |                    |                               |              |                        |                       |               |                         |                    |                 |                      |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  |       |       |
| 1  | Võ                    | Trương Trung Chánh | Nam       | 15/03/2001 | Trường Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQG TP.HCM | CQ           | Khoa học máy tính   | 2023           | Khá                 |              |                     | B2 Aptis ESOL       | British Council            | 11/05/2026         |                               | 7.00         |                        |                       |               |                         |                    |                 |                      |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  | 14.00 |       |
| 2  | Đàm Hải               | Đảng               | Nam       | 16/03/1990 | Trường Đại học Trà Vinh                        | Từ xa        | Công nghệ thông tin | 2026           | Xuất sắc            |              |                     | C1 Aptis ESOL       | British Council            | 11/05/2026         | 7.50                          |              |                        |                       |               |                         |                    |                 |                      |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  |       | 15.70 |
| 3  | Ngô Văn               | Đạt                | Nam       | 05/06/2003 | Học viện CN BCVT                               | CQ           | An toàn thông tin   | 2026           | Khá                 |              |                     |                     | Sinh viên Học viện CN BCVT | Tốt nghiệp 2026    |                               |              |                        | 9.50                  |               | 9.10                    |                    |                 |                      |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  |       | 18.60 |
| 4  | Đào Phan Quốc         | Hoài               | Nam       | 10/03/2003 | Học viện CN BCVT                               | CQ           | Công nghệ thông tin | 2026           | Giỏi                |              |                     |                     | Sinh viên Học viện CN BCVT | Tốt nghiệp 2026    |                               | 9.30         |                        |                       |               |                         | 8.80               |                 |                      |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  |       | 18.10 |
| 5  | Trần Nguyễn An        | Khang              | Nam       | 16/10/2001 | Học viện CN BCVT                               | CQ           | Công nghệ thông tin | 2024           | Khá                 |              |                     |                     | Sinh viên Học viện CN BCVT | Tốt nghiệp 11/2024 |                               | 8.70         |                        |                       |               |                         | 9.70               |                 |                      |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  |       | 18.40 |
| 6  | Lê Hữu                | Lợi                | Nam       | 14/08/1996 | Trường Đại học Trà Vinh                        | Từ xa        | Công nghệ thông tin | 2024           | Xuất sắc            |              |                     | B1 Aptis ESOL       | British Council            | 11/05/2026         | 8.60                          |              |                        |                       |               |                         |                    | 9.70            |                      |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  |       | 18.30 |
| 7  | Nguyễn Thị Thanh Ngân | Nghân              | Nữ        | 09/01/1998 | Học viện CN BCVT                               | CQ           | Công nghệ thông tin | 2021           | Khá                 |              |                     | Bậc 3               | Trường Đại học Văn Lang    | 08/05/2026         |                               | 9.70         |                        |                       |               |                         | 8.90               |                 |                      |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  |       | 18.60 |
| 8  | Nguyễn Trần Tấn Quy   | Quy                | Nam       | 04/01/2002 | Học viện CN BCVT                               | CQ           | Công nghệ thông tin | 2025           | Khá                 |              |                     |                     | Sinh viên Học viện CN BCVT | Tốt nghiệp 2025    |                               |              |                        | 9.30                  |               |                         |                    |                 |                      |  |  |  |  |  |  |  |  | 9.00 |  |       | 18.30 |
| 9  | Trần Phạm Khánh Sơn   | Sơn                | Nam       | 26/01/1999 | Trường Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQG TP.HCM | CQ           | Công nghệ thông tin | 2025           | Trung bình Khá      |              |                     | B2 Aptis ESOL       | British Council            | 13/05/2026         | 8.00                          |              |                        |                       |               |                         |                    | 6.50            |                      |  |  |  |  |  |  |  |  |      |  |       | 14.50 |
| 10 | Huỳnh Tiến            | Si                 | Nam       | 06/01/1995 | Học viện CN BCVT                               | CQ           | An toàn thông tin   | 2019           | Khá                 |              |                     | B2 Aptis ESOL       | British Council            | 27/04/2026         |                               | 7.60         |                        |                       |               |                         |                    |                 |                      |  |  |  |  |  |  |  |  | 7.60 |  |       | 15.20 |

Danh sách gồm: 10 học viên

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026  
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH - CƠ SỞ PHÍA NAM  
(Kèm theo Quyết định số 332/QĐ-HV ngày 1 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

| TT | Họ tên đệm            | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | Dân tộc | BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  |              |                             |                |                     |              | ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH |                      |                            | ĐIỂM MÔN CƠ SỞ |               |               |              | ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH |              |                                |                      | TỔNG ĐIỂM 2 MÔN | Điều kiện về trình độ quản lý                     |
|----|-----------------------|-------|-----------|------------|---------|--------------------------|--------------|-----------------------------|----------------|---------------------|--------------|---------------------|----------------------|----------------------------|----------------|---------------|---------------|--------------|-----------------------|--------------|--------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------------------------|
|    |                       |       |           |            |         | Trưởng cấp bằng          | Hình thức DT | Ngành đào tạo               | Năm tốt nghiệp | Xếp loại tốt nghiệp | BS kiến thức | Ưu tiên             | Chứng chỉ tiếng Anh  | Đơn vị cấp                 | Ngày cấp       | Kinh tế vĩ mô | Kinh tế vĩ mô | Toán kinh tế | Môn khác tương đương  | Quản trị học | Phân tích hoạt động kinh doanh | Môn khác tương đương |                 |                                                   |
| 1  | Lê Huy                | Bình  | Nam       | 21/07/1994 | Kinh    | Đại học Kinh tế Quốc Dân | Từ xa        | Tài chính - Ngân hàng       | 2025           | Giỏi                | X            |                     | Bậc 4                | Đại học Kinh tế TP.HCM     | 02/07/2024     |               | 7.90          |              |                       | 8.60         |                                | Quản lý học          | 16.50           |                                                   |
| 2  | Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh |       | Nữ        | 15/11/1988 | Thai    | Học viện CN BCVT         | CQ           | Kỹ thuật Điện tử viễn thông | 2013           | Khá                 | X            |                     | Đánh giá Năng lực NN | Đại học Thái Nguyên        |                | 7.70          |               |              |                       | 8.20         |                                |                      | 15.90           | Trưởng P Hành chính nhà sũ, CT TNHH MTV Cấp quang |
| 3  | Hoàng Thu             | Trang | Nữ        | 09/06/2002 | Kinh    | Học viện CN BCVT         | CQ           | Kế toán                     | 2024           | Giỏi                | X            |                     |                      | Sinh viên Học viện CN BCVT |                | 8.10          |               |              |                       | 9.10         |                                |                      | 17.20           |                                                   |

Danh sách gồm: 03 học viên

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh

